CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC VIỄN THÔNG PETROLIMEX

----------o0o----------

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

QUẢN LÝ BÁN HÀNG TOÀN QUỐC
PHẦN MỀM QUẢN LÝ BÁN HÀNG XĂNG DẦU - EGAS

HÀ NỘI, THÁNG 07 NĂM 2026

BẢNG GHI NHẬN THAY ĐỔI

*T - Thêm mới S - Sửa đổi X – Xoá

Ngày thay đổi	Mục, bảng, sơ đồ được thay đổi	Lý do	T * S X	Mô tả thay đổi	Phiên bản mới
08/08/2023	5	Sửa đổi	S	Sửa phần tạo chứng từ phát sinh từ POS từ 412 thành 411. Trường hợp trả hàng BHTQ mà không sinh được chứng từ 411	1.6
08/08/2023	6	Xóa	X	Xóa mục Xuất hóa đơn sau	1.6
08/08/2023	1.4.1	Thêm mới	T	Bổ sung Cấu trúc tổ chức của khách hàng PLXID	1.6
08/08/2023	1.4.2	Thêm mới	T	Bổ sung đồng bộ dữ liệu từ EGAS sang Portal	1.6
08/08/2023	2.2	Thêm mới	T	Bổ sung danh mục khách trực thuộc	1.6
21/11/2023	2.3	Thêm mới	T	Gửi thông tin khách BHTQ lên E-Invoice	1.7
04/12/2023	5.1.4	Thêm mới	T	Xử lý sự cố khi trả hàng BHTQ	1.8
14/12/2023	6	Thêm mới	T	Xuất hóa đơn chiết khấu BHTQ	1.8
05/01/2024	4	Thêm mới	T	Kiểm tra hạn mức phương tiện tại Egas	1.9
05/01/2024	5.1.4.3	Thêm mới	T	Xuất hóa đơn BHTQ không gắn log	1.9
15/01/2024	6	Sửa đổi	S	Sửa chức năng Xuất hóa đơn chiết khấu BHTQ (CK2)	1.9
25/01/2024			T	Tích hợp hóa đơn chiết khấu	1.9
10/07/2026	5.3.1.4	Sửa đổi	T	Bổ sung nội dung xử lý sự cố khi số lượng log bơm khác số lượng	1.10
20/09/2026	2.1 2.2	Sửa đổi	T	Chỉnh sửa danh mục Khách hàng Tập đoàn (ký hợp đồng, khách trực thuộc) Bổ sung trường cho phép NSD khai báo hình thức gửi Email khi phát hành hóa đơn: 1- Gửi email cuối ngày 0- Gửi email từng lần.	1.10

MỤC LỤC

1 Giới thiệu chung 5
1.1 Mục đích 5
1.2 Thuật ngữ và viết tắt 5
1.3 Các chức năng có trong tài liệu.....5
1.4 Các nguyên tắc chung 5
2 Quy trình Quản lý Tham số, Danh mục 9
2.1 Danh mục khách hàng ký hợp đồng 9
2.2 Danh mục khách trực thuộc 11
2.3 Gửi thông tin khách BHTQ lên E-invoice 13
2.4 Lịch thanh toán 13
2.5 Nhóm địa lý.....14
2.6 Nhóm cửa hàng 15
2.7 Loại hình công nợ(Credit Area).....16
3 Quản lý Hợp đồng công nợ - Bán hàng toàn quốc 17
3.1 Hướng dẫn thực hiện.....17
4 Kiểm tra hạn mức phương tiện tại Egas 28
4.1 Mục đích 28
4.2 Điều kiện thực hiện 28
4.3 Thực hiện 28
5 Quản lý trả hàng 33
5.1 Mục đích 33
5.2 Điều kiện thực hiện 33
5.3 Hướng dẫn chi tiết.....33
6 Xuất hóa đơn chiết khấu BHTQ 38
6.1 Mục đích 38
6.2 Điều kiện thực hiện 38
6.3 Hướng dẫn chi tiết.....38
6.4 Tích hợp SAP 41
7 Thu tiền khách hàng 42
7.1 Hướng dẫn thực hiện.....42
8 Cập nhật Tồn đầu khách công nợ Tập đoàn 44
8.1 Hướng dẫn thực hiện.....44

9 Báo cáo 45
9.1 Báo cáo tại Egas 45
9.2 Báo cáo tại Portal 48
10 Clear công nợ(ESC làm tự động) 49
10.1 Hướng dẫn thực hiện 49
PHỤ LỤC 1: ĐỒNG BỘ DỮ LIỆU KHÁCH HÀNG 51
GIỮA HỆ THỐNG EGAS VÀ PLX ID 51
PHỤ LỤC 2: QUẢN LÝ QUYỀN LẤY HÀNG VỚI NGƯỜI NHẬN 55
PHỤ LỤC 3: PHÂN QUYỀN CÁC CHỨC NĂNG BHTQ 57

1 Giới thiệu chung

1.1 Mục đích

Tài liệu hướng dẫn sử dụng chương trình Quản lý bán hàng theo hình thức Tập đoàn/hoặc các Công ty, chi nhánh ký hợp đồng(Gọi là Đơn vị ký HĐ). Khi đó các đơn vị thực hiện xuất hàng (Gọi là đơn vị xuất hàng) và xuất hóa đơn theo yêu cầu của Hợp đồng, đơn vị ký HĐ thu tiền và báo có cho các Đơn vị xuất hàng.

1.2 Thuật ngữ và viết tắt

STT	Thuật ngữ/ Từ viết tắt	Diễn giải
1.	Petrolimex, PLX	Tập đoàn xăng dầu Việt Nam
2.	PIACOM	Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex
3.	EGAS	Phần mềm quản lý cửa hàng bán lẻ xăng dầu
4.	CHXD	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu
5.	HĐ	Hợp đồng

1.3 Các chức năng có trong tài liệu

- Thứ tự thực hiện các Ch ức năng trong chương trình:
  - Chức năng Quản lý Hợp đồng công nợ - Tập đoàn
  - Chức năng Quản lý trả hàng
  - Chức năng Quản lý thu tiền khách hàng
  - Xuất hóa đơn
  - Cập nhật tồn đầu khách công nợ Tập đoàn
  - Clear công nợ (ESC – làm tự động)
- Các quy trình khác:
  - Quản lý Tham số, Danh mục
- Các phụ lục có trong tài liệu
  - Phụ lục 1: Đồng bộ dữ liệu khách hàng giữa hệ thống EGAS và PLXID
  - Phụ lục 2: Quản lý quyền lấy hàng với người nhận

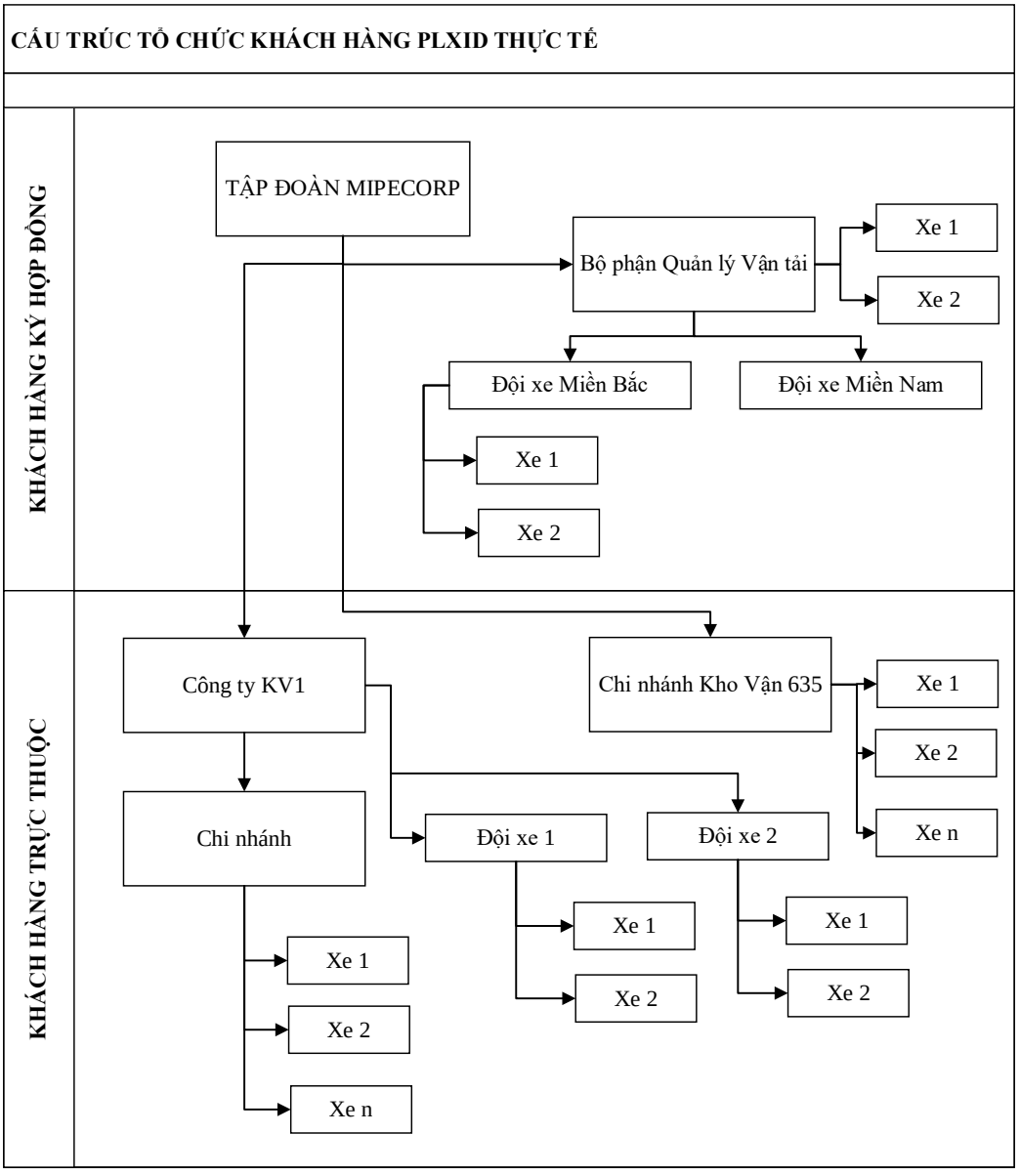
1.4 Các nguyên tắc chung

- Khách hàng ký và quản lý Hợp đồng có trường dữ liệu PLXID (do khách đăng ký tại plxid.petrolimex.com.vn được định danh mã PLXID duy nhất) là khóa xuyên suốt quá trình quản lý dữ liệu (gọi khách này là khách PLXID). Khách PLXID là cấp trên cao nhất của Hợp đồng cần quản lý, mã khách PLXID tại EGAS có mã khách là mã khách tại SAP và thuộc type “Đơn vị ký Hợp đồng”

- Tại một thời điểm, khách PLXID chỉ có duy nhất một hợp đồng có hiệu lực. Trong trường hợp các khách cấp dưới trực thuộc của PLXID có Hợp đồng riêng sẽ được quản lý riêng tương tự như một khách PLXID khác, không liên quan đến khách PLXID ký Hợp đồng đang đề cập.
- Các cấp dưới thuộc cấu trúc tổ chức của khách PLXID được quản lý có mã gợi nhớ theo mã khách của khách ký Hợp đồng và thuộc type "Đơn vị trực thuộc"
- Tại một thời điểm, cấp trên chỉ giao duy nhất một Quota có hiệu lực cho cấp dưới liền kề, cấp dưới sẽ giao Quota này cho cấp dưới liền kề tiếp theo. Các Quota này có thể thay đổi tùy theo sự ràng buộc của Hợp đồng hoặc các Quota cha và Quota con của nó. Có 02 loại Quota:
    - Quota giao Hạn mức: Theo Hạn mức của Hợp đồng (Tiền/ Lượng)
    - Quota giao Thực hiện: Theo lượng
- Quota cho phép quản lý:
    - Đơn vị ký Hợp đồng (khách PLXID)
    - Đơn vị giao Quota, Đơn vị nhận Quota
    - Đơn vị nhận công nợ (và thanh toán – từ đây chỉ gọi tắt là Đơn vị nhận công nợ), Đơn vị nhận hóa đơn, Đơn vị được tích điểm
    - Thông tin hạn mức
    - Trạng thái Quota
- User được phân cấp như sau:
    - User quản lý Hợp đồng thuộc Đơn vị khách ký Hợp đồng (một cấp)
    - User thuộc Đơn vị trực thuộc (không có hoặc có một/ nhiều cấp)
    - User Quản lý Nhóm Phương tiện (một cấp). Trường hợp cần nhiều cấp user để quản lý Nhóm Phương tiện thì chuyển bộ phận quản lý Nhóm Phương tiện lên cấp Đơn vị trực thuộc.
    - User Lái xe (một cấp)
- Quyền của User:
    - Chỉ được thao tác/ view dữ liệu/ tổng hợp dữ liệu trong phân vùng dữ liệu quản lý của cấu trúc khách PLXID
    - Quyền của user: Theo phân quyền cụ thể trong vùng dữ liệu của cấu trúc khách PLXD. Mặc định quy tắc sau được áp dụng tùy thuộc user theo vị trí cấu trúc đơn vị:
        - Quản lý danh mục của chính Đơn vị đó
        - Nhìn thấy Quota của khách cấp trên liền kề giao cho Đơn vị và Đơn vị chỉ được nhìn thấy các khách cấp dưới liền kề để giao Quota

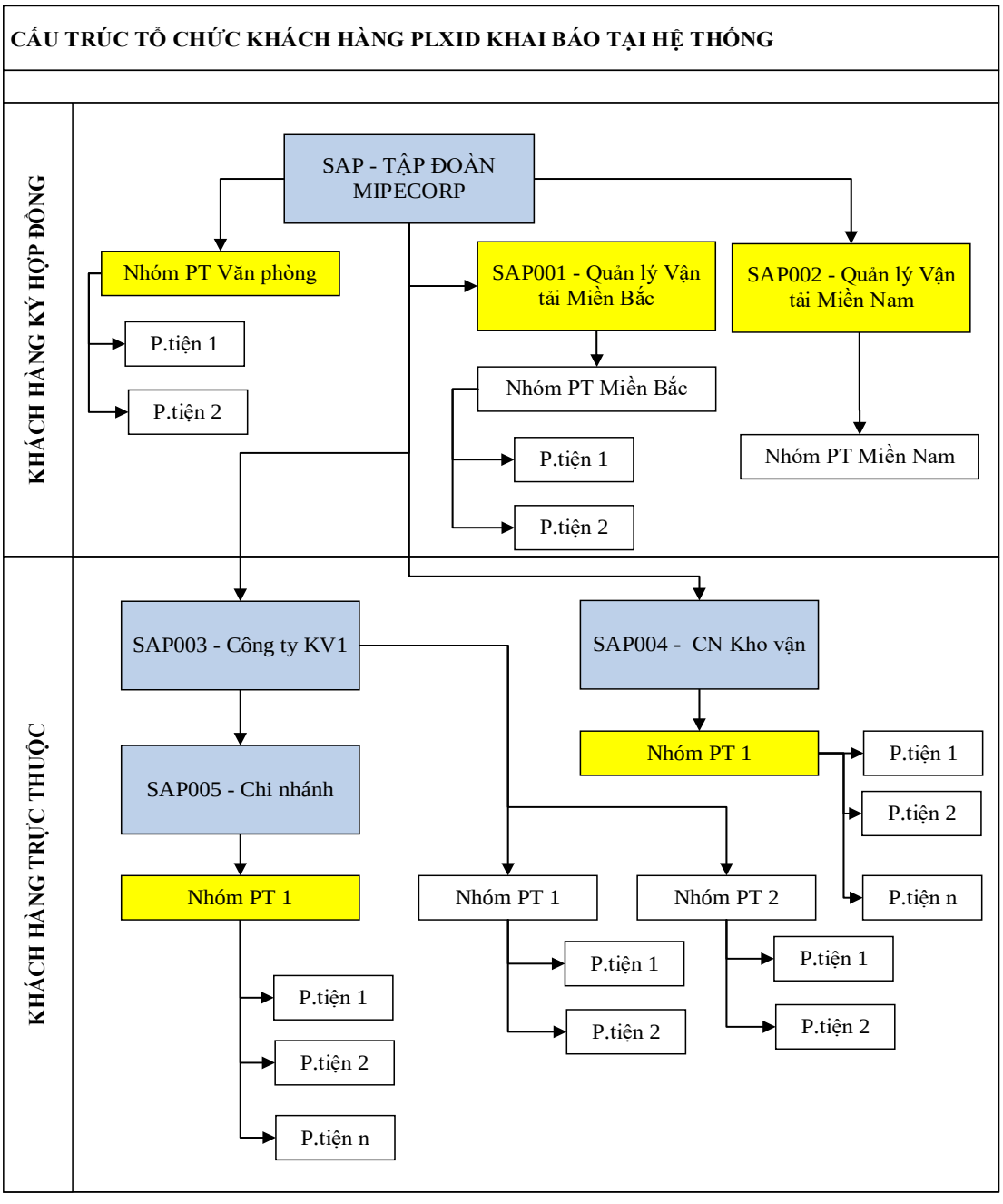
1.4.1 Cấu trúc tổ chức của Khách hàng PLXID

- Khai báo tại Danh mục Khách hàng của EGAS theo cấu trúc cây tổ chức:
  - Khách ký và quản lý Hợp đồng: Đặt mã theo mã khách SAP (danh mục khai báo khách BHTQ hiện nay), thuộc type "Đơn vị ký Hợp đồng"
  - Khách trực thuộc cấp dưới của khách ký Hợp đồng (n cấp, n>0): Đặt mã theo mã khách ký Hợp đồng, thuộc type "Đơn vị trực thuộc" theo format: Mã khách SAP + XXX, XXX = 001..999
- Cấu trúc tổ chức của Khách hàng PLXID thực tế:



- Cấu trúc tổ chức khai báo tại hệ thống:
  - Phần đổ màu xanh: Khai báo tại danh mục Khách tại EGAS
  - Phần không đổ màu: Khai báo tại Portal
  - Lưu ý:

- Khai báo tại hệ thống có phần khác so với cấu trúc thật (phần màu vàng)
- Trong trường hợp cần m cấp để quản lý Nhóm xe thì chuyển m-1 các cấp trên về cấu trúc mã khách



- Khai báo khách thuộc type "Đơn vị ký hợp đồng":

  - Mỗi khách thực tế chỉ được khai báo một lần trên hệ thống, không được phép trùng MST (nếu có giá trị) và PLXID (nếu có giá trị).

- Khai báo khách thuộc type "Đơn vị trực thuộc":
    - Thông tin: Tương tự Khách ký hợp đồng, cho phép trùng thông tin MST và PLXID do một đối tượng khách có thể được khai báo nhiều lần trong nhiều tổ chức PLXID khác nhau
    - Nơi khai báo: Thêm tab con của danh mục Khách ký hợp đồng hiện có

1.4.2 *Đồng bộ dữ liệu từ EGAS sang Portal*

- Thời điểm đồng bộ: Khi dữ liệu tại EGAS thay đổi
- Dữ liệu cần đồng bộ:
    - Cấu trúc tổ chức Khách hàng:
        - Thông tin chính: Mã khách, Tên khách, Tên tắt, MST, Địa chỉ, PLXID
        - Thông tin khác: Công ty mẹ, Email, Số điện thoại
    - Danh mục Hợp đồng:
        - Hạn mức tiền: Thông tin đồng bộ như hiện nay
        - Hạn mức lượng: Chưa đồng bộ
    - Danh mục Nhóm hàng hóa: Các nhóm thuộc ngành hàng 11- Xăng dầu sáng
    - Danh mục Hàng hóa (chỉ với các hàng hóa có trạng thái = "Lưu hành" thuộc danh mục Nhóm hàng hóa ở trên): Thông tin đồng bộ như hiện nay
    - Danh mục CC (theo Hợp đồng)
    - Danh mục CHXD (theo Hợp đồng)

2 Quy trình Quản lý Tham số, Danh mục

2.1 Danh mục khách hàng ký hợp đồng

2.1.1 Mục đích

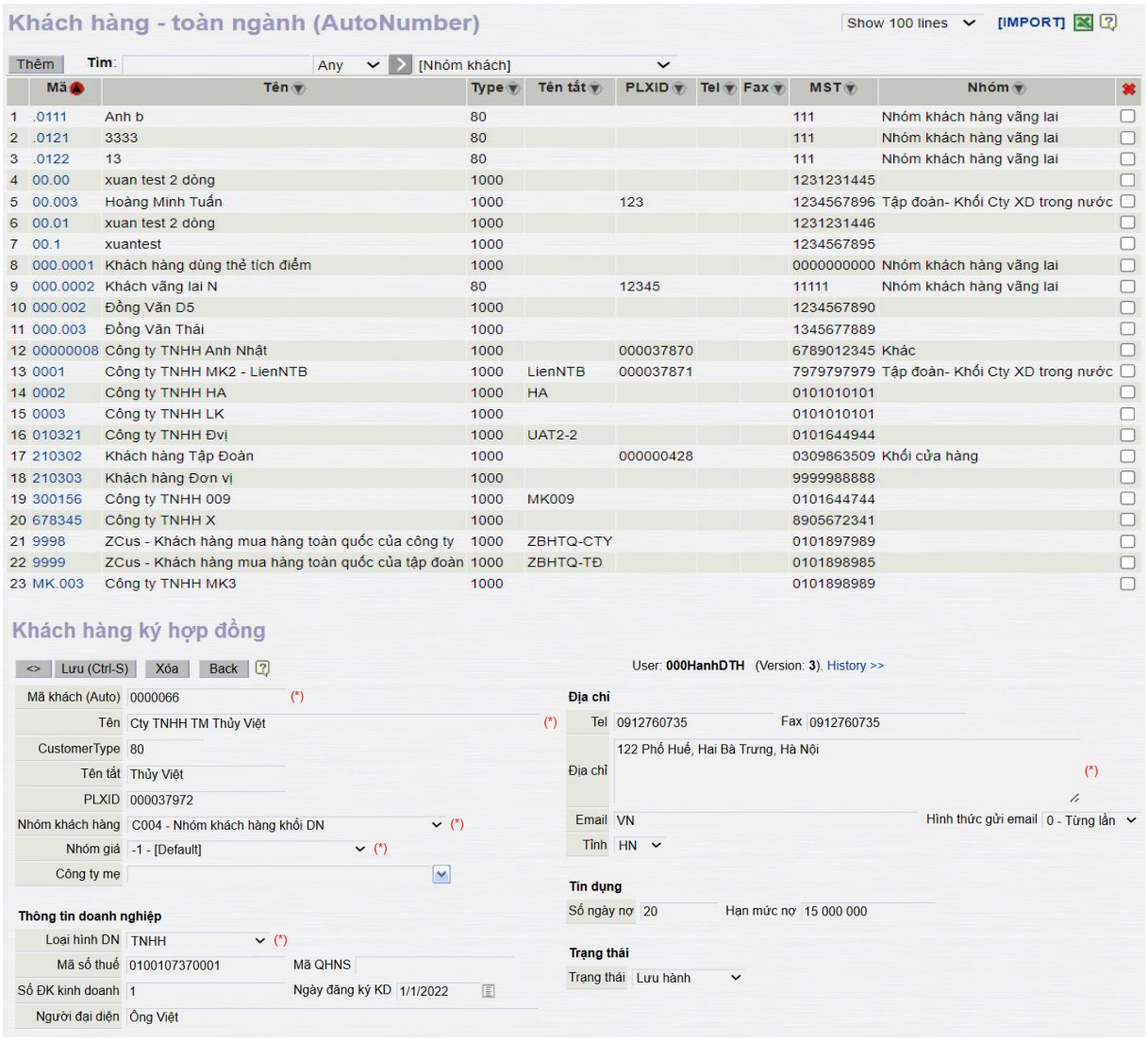
- Khai báo thông tin khách hàng ký hợp đồng BHTQ. Khách này có thể được nhận dịch vụ cung cấp xăng dầu trên tất cả cửa hàng trực thuộc tất cả các đơn vị thuộc Tập Đoàn (căn cứ theo hợp đồng)..

2.1.2 Điều kiện thực hiện

- User tại Tập đoàn khai báo tại Egas trung tâm
- Có thông tin chi tiết của khách hàng

2.1.3 Hướng dẫn chi tiết

Menu: Hệ thống/ Dm toàn ngành/ Khách hàng ký hợp đồng



Khai báo thông tin khách hàng bao gồm:

- Mã khách: Mã khách BHTQ = mã khách SAP
- Tên: Tên khách hàng (công ty/ Cá nhân)
- Tên tắt: Tên tắt
- PLXID: Số PLXID của khách hàng (Tự nhập hoặc dùng chức năng lấy PLXID)
- Nhóm khách: Chọn từ danh sách nhóm khách. Nhóm khách F007 là nhóm khách hàng cá nhân, nhóm khách C007 là nhóm khách vãng lai
- Nhóm giá: Chọn nhóm giá bán cho khách hàng
- Công ty mẹ: Mã khách cấp trên (trong trường hợp khách có quản lý cấp trên)
- Loại hình doanh nghiệp: chọn từ danh mục "TNHH/ Cổ phần/ Nhà nước/ Hộ dân/ Liên doanh"
- Mã số thuế: Mã số thuế của doanh nghiệp hoặc Số CMT/CCCD của cá nhân
- Số đăng ký kinh doanh: Cập nhật số đăng ký kinh doanh của khách
- Ngày đăng ký kinh doanh: Cập nhật ngày đăng ký kinh doanh của khác.
- Người đại diện: Cập nhật người đại của khách.

- Tel: Cập nhật điện thoại khách hàng.
- Fax: Cập nhật số Fax của khách hàng
- Địa chỉ: Cập nhật địa chỉ khách hàng, tối đa 255 ký tự
- Email: Cập nhật thông tin Email khách hàng
- Hình thức gửi mail: Chọn danh sách hình thức gửi mail cho khách.
- Quốc gia, Tỉnh: Cập nhật Quốc gia, tỉnh của khách hàng
- Số ngày nợ: Số ngày được nợ của khách hàng (Hạn mức về thời gian nợ của khách).
- Hạn mức nợ: Định mức công nợ về tiền của khách hàng
- Trạng thái: Tình trạng khách hàng.

Lưu ý:

- Mỗi khách hàng chỉ được khai báo duy nhất trên hệ thống (căn cứ theo Mã số thuế) và được quản lý tập trung trên toàn ngành
- Danh mục này sẽ được đồng bộ xuống tất cả các CompanyCode của các Công ty/CN/XN thành viên

2.2 Danh mục khách trực thuộc

2.2.1 Mục đích

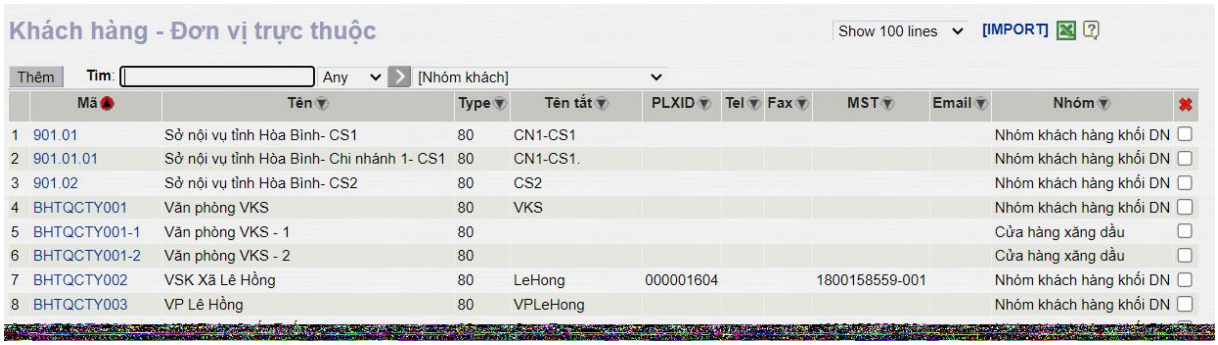
- Khai báo thông tin khách hàng trực thuộc (đơn vị cấp dưới) với các khách hàng đã được khai báo tại Danh mục khách ký hợp đồng được khai báo mức Tập đoàn

2.2.2 Điều kiện thực hiện

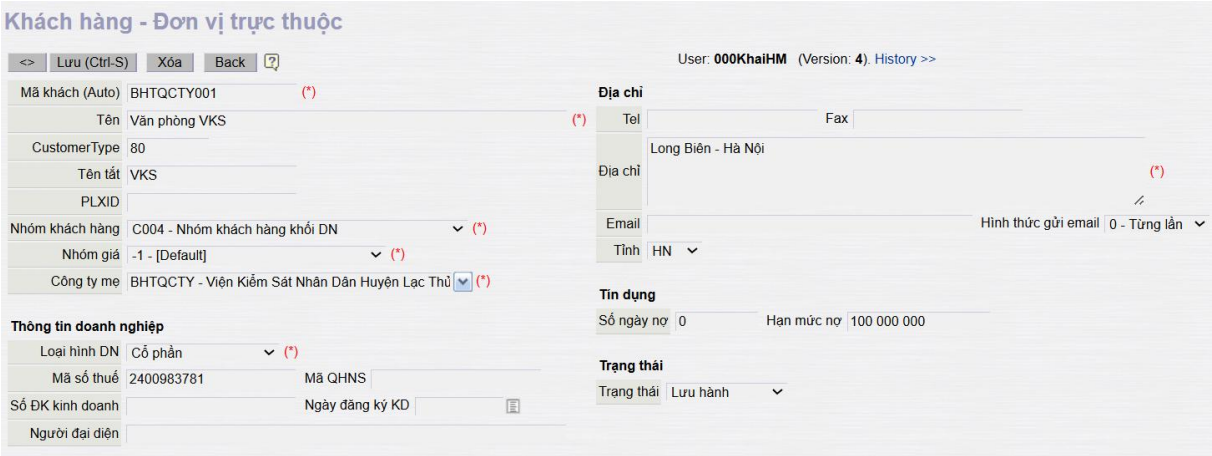
- User tại Tập đoàn khai báo tại Egas trung tâm
- Có thông tin chi tiết của khách hàng

2.2.3 Hướng dẫn chi tiết

Menu: Hệ thống/ Dm toàn ngành/ Khách hàng trực thuộc



	Mã	Tên	Type	Tên tắt	PLXID	Tel	Fax	MST	Email	Nhóm
1	901.01	Sở nội vụ tỉnh Hòa Bình- CS1	80	CN1-CS1						Nhóm khách hàng khối DN
2	901.01.01	Sở nội vụ tỉnh Hòa Bình- Chi nhánh 1- CS1	80	CN1-CS1.						Nhóm khách hàng khối DN
3	901.02	Sở nội vụ tỉnh Hòa Bình- CS2	80	CS2						Nhóm khách hàng khối DN
4	BHTQCTY001	Văn phòng VKS	80	VKS						Nhóm khách hàng khối DN
5	BHTQCTY001-1	Văn phòng VKS - 1	80							Cửa hàng xăng dầu
6	BHTQCTY001-2	Văn phòng VKS - 2	80							Cửa hàng xăng dầu
7	BHTQCTY002	VSK Xã Lê Hồng	80	LeHong	000001604			1800158559-001		Nhóm khách hàng khối DN
8	BHTQCTY003	VP Lê Hồng	80	VPLeHong						Nhóm khách hàng khối DN



Khai báo thông tin khách hàng bao gồm:

- Mã khách: đặt theo mã khách ký hợp đồng theo format: Mã khách = mã khách SAP +XXX (trong đó XXX= 001…999)
- Tên: Tên khách hàng (công ty/ Cá nhân)
- Tên tắt: Tên tắt
- PLXID: Số PLXID của khách hàng (Tự nhập hoặc dùng chức năng lấy PLXID)
- Nhóm khách: Chọn từ danh sách nhóm khách. Nhóm khách F007 là nhóm khách hàng cá nhân, nhóm khách C007 là nhóm khách vãng lai
- Nhóm giá: Chọn nhóm giá bán cho khách hàng
- Công ty mẹ: Mã khách cấp trên trực thuộc (bắt buộc phải nhập)
- Loại hình doanh nghiệp: chọn từ danh mục “TNHH/ Cổ phần/ Nhà nước/ Hộ dân/ Liên doanh”
- Mã số thuế: Mã số thuế của doanh nghiệp hoặc Số CMT/CCCD của cá nhân
- Số đăng ký kinh doanh: Cập nhật số đăng ký kinh doanh của khách
- Ngày đăng ký kinh doanh: Cập nhật ngày đăng ký kinh doanh của khác.
- Người đại diện: Cập nhật người đại của khách.
- Tel: Cập nhật điện thoại khách hàng.
- Fax: Cập nhật số Fax của khách hàng
- Địa chỉ: Cập nhật địa chỉ khách hàng, tối đa 255 ký tự
- Email: Cập nhật thông tin Email khách hàng
- Hình thức gửi mail: Chọn danh sách hình thức gửi mail cho khách.
- Quốc gia, Tỉnh: Cập nhật Quốc gia, tỉnh của khách hàng
- Số ngày nợ: Số ngày được nợ của khách hàng (Hạn mức về thời gian nợ của khách).
- Hạn mức nợ: Định mức công nợ về tiền của khách hàng
- Trạng thái: Tình trạng khách hàng.

Lưu ý:

- Cho phép tạo khách hàng có trùng thông tin PLXID và MST do một đối tượng khách có thể được khai báo nhiều lần trong nhiều tổ chức PLXID khác nhau
- Danh mục này sẽ được đồng bộ xuống tất cả các CompanyCode của các Công ty/CN/XN thành viên

2.3 Gửi thông tin khách BHTQ lên E-invoice

2.3.1 Mục đích

- Thực hiện gửi thông tin khách BHTQ tại danh mục khách hợp đồng và danh mục khách trực thuộc

2.3.2 Điều kiện thực hiện

- Cập nhật thay đổi thông tin mail khách BHTQ tại danh mục khách hợp đồng và danh mục khách trực thuộc

2.3.3 Hướng dẫn chi tiết

- Đường dẫn: Hệ thống/ E-invoice/ Đồng bộ khách hàng – MD
- Người thực hiện: User mức Tập đoàn – PLX



- B1: Gõ ký tự về mã/ tên/ địa chỉ/ Quận,TP/ Tel/ Fax/ Email/ MST để tìm kiếm khách cần gửi thông tin lên E- invoice
- B2: Chọn khách để gửi thông tin lên E – invocice

  B3: Kích chọn nút để thực hiện gửi thông tin khách lên E-invocice.

2.4 Lịch thanh toán

2.4.1 Mục đích

- Khai báo thông tin lịch thanh toán cho các khách hàng mức MD

2.4.2 Điều kiện thực hiện

- User tại Văn phòng Tập đoàn khai báo tại Egas trung tâm
- Có thông tin về lịch thanh toán của khách theo hợp đồng

2.4.3 Hướng dẫn chi tiết

Menu: Hệ thống/ Dm toàn ngành/ Lịch thanh toán



- Mã: Mã lịch thanh toán
- Diễn giải: Tên lịch thanh toán
- Lấy hàng đến ngày: Hạn ngày lấy hàng
- Ngày thanh toán: Ngày khách phải thanh toán khi ngày xuất hàng thỏa mãn lấy hàng đến ngày

2.5 Nhóm địa lý

2.5.1 Mục đích

Định nghĩa nhóm các Cty/CN/XN (CompanyCode) mà khách hàng được phép lấy hàng. Mục tiêu để gán cho các hợp đồng mức Tập đoàn

2.5.2 Điều kiện thực hiện

- User tại Văn phòng Tập đoàn khai báo tại Egas trung tâm
- Có thông tin danh sách các Cty/CN/XN cung cấp dịch vụ theo hợp đồng của khách ký với Tập đoàn

2.5.3 Hướng dẫn chi tiết

Menu: Hệ thống/ Dm toàn ngành/ Nhóm địa lý



- Mã: Mã nhóm
- Tên: Tên nhóm
- Gán đến các công ty: Kích chọn nút "Thêm" tại tab "Gán đến công ty" và chọn danh sách các đơn vị cung cấp dịch vụ
- Lưu ý: Chỉ chọn các đơn vị có CC tại EGAS.

2.6 Nhóm cửa hàng

2.6.1 Mục đích

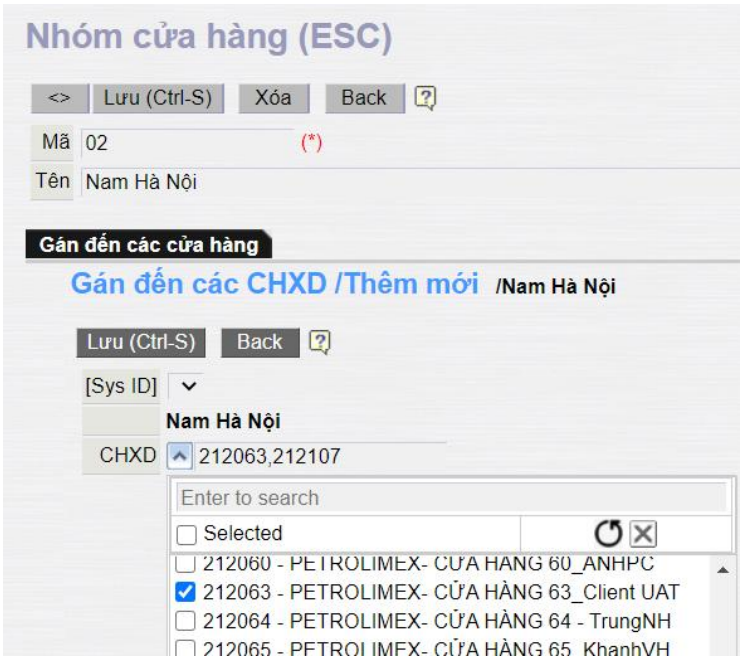
- Định nghĩa nhóm các CHXD mà khách hàng được phép lấy hàng. Mục tiêu để gán cho các hợp đồng

2.6.2 Điều kiện thực hiện

- User tại Văn phòng của từng CompanyCode khai báo tại Egas trung tâm
- Có thông tin danh sách các CHXD cung cấp dịch vụ theo hợp đồng của khách

2.6.3 Hướng dẫn chi tiết

Menu: Hệ thống/ Dm Công ty/ Nhóm CH



- Mã: Mã nhóm
- Tên: Tên nhóm
- Gán đến các CHXD: Kích chọn nút "Thêm" tại tab "Gán đến các CHXD" và chọn danh sách CHXD từ danh mục

2.7 Loại hình công nợ(Credit Area)

2.7.1 Mục đích

- Định nghĩa nhóm các tài khoản công nợ được gán vào các mức áp dụng theo các hình thức ký hợp đồng

2.7.2 Điều kiện thực hiện

- User Admin khai báo tại Egas trung tâm mức Tập đoàn.

2.7.3 Hướng dẫn chi tiết

Menu: Hệ thống/ Dm Chung/ Loại hình công nợ(Credit Area)



- Mã: Mã nhóm
- Tên: Tên nhóm công nợ khách
- Tài khoản: Các loại tài khoản công nợ
    - Khách BHTQ ký hợp đồng mức Tập đoàn: 13612 – Công nợ khách Tập đoàn

- Khách BHTQ ký hợp đồng mức Công ty(không có chi nhánh/xí nghiệp): 13613 – Công nợ khách Công ty
- Khách BHTQ ký hợp đồng mức Công ty/Chi nhánh: 131204 – Công nợ khách công ty / Chi nhánh.
- Khách ký hợp đồng với các Công ty/Chi nhánh: 131202 Công nợ khách tại cửa hàng.

3 Quản lý Hợp đồng công nợ - Bán hàng toàn quốc

3.1 Hướng dẫn thực hiện

3.1.1 Mục đích

- Dùng để khai báo thông tin hợp đồng trong các trường hợp:
  - Tập đoàn bán hàng mức toàn ngành – Tập đoàn ký mới phát sinh, không liên quan đến HĐ/PLHD trước đó hoặc HĐ/PLHĐ nào khác
  - Các Công ty có Chi nhánh/Xí nghiệp bán mức Công ty, trả hàng tại Công ty/Chi nhánh/Xí nghiệp đó.
  - Các Công ty không có Chi nhánh/ Xí nghiệp trực thuộc hoặc các Chi nhánh/ Xí nghiệp bán mức Company Code, trả hàng tại các cửa hàng trực thuộc Company Code.
- Các thông tin gồm:
  - Thông tin chung của hợp đồng: Số hợp đồng, tên hợp đồng, ngày ký,…
  - Danh sách các Cty/CN/XN (gọi là các CC) là đơn vị xuất hóa đơn, kèm theo danh mục các CHXD trên toàn quốc
  - Hạn mức công nợ của khách
  - Giảm giá (nếu có)

3.1.2 Điều kiện thực hiện

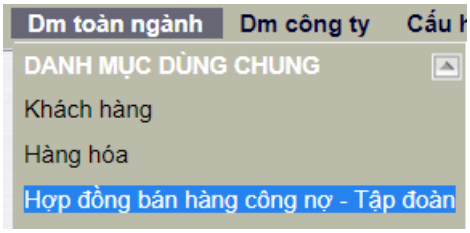
- Khách hàng được quản lý tập trung trên toàn ngành, yêu cầu khách đã được tạo PLXID mới tạo hợp đồng.
- Danh sách các đơn vị cung cấp dịch vụ đã được khai báo trong Danh mục Nhóm địa lý.
- Nguyên tắc:
  - Khách hàng đã ký Hợp đồng với đơn vị cấp trên thì không ký Hợp đồng với đơn vị cấp dưới
  - Điểm trả hàng là các CHXD trực thuộc đơn vị ký Hợp đồng hoặc cấp dưới của đơn vị ký Hợp đồng

3.1.3 Hướng dẫn chi tiết

3.1.3.1 Khai báo thông tin chung

Tương ứng với các trường hợp thông tin hợp đồng có các chức năng như sau:

- ***Hợp đồng mức Toàn ngành:***
  - ***Đường dẫn***: Hệ thống / Dm toàn ngành/ Hợp đồng bán hàng công nợ - Tập đoàn
  - ***Người thực hiện***: User mức Tập đoàn – PLX

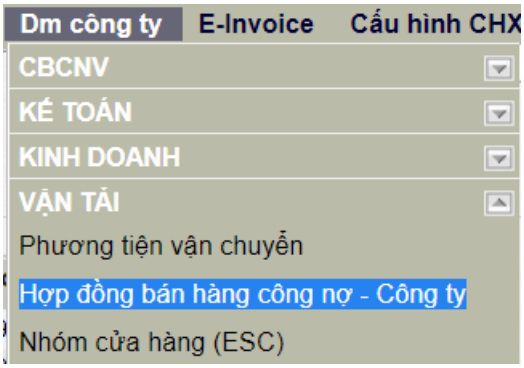




- ***Hợp đồng mức Công ty có chi nhánh/ xí nghiệp:***
  - ***Đường dẫn***: Hệ thống / Dm toàn ngành/ Hợp đồng bán hàng công nợ - Tập đoàn
  - ***Người thực hiện***: User mức Công ty

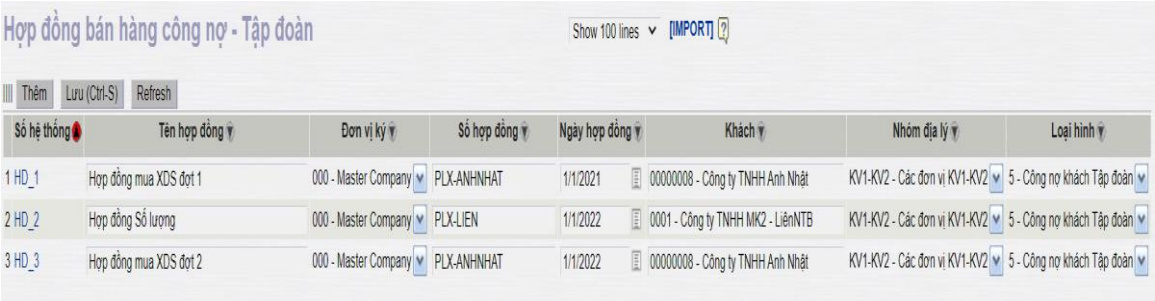


- ***Hợp đồng mức Công ty không có Chi nhánh/ Xí nghiệp hoặc Chi nhánh/ Xí nghiệp:***
  - ***Đường dẫn***: Hệ thống / Dm Công ty/ Hợp đồng bán hàng công nợ - Công ty
  - ***Người thực hiện***: User mức Company Code





Các tham số thông tin chung bao gồm:



STT	Trường thông tin	Diễn giải/Description	Giá trị	Loại thông tin	Bắt buộc
1	Số Hệ thống	Số hệ thống tự sinh		Tự động	X
2	Tên hợp đồng	Tên hợp đồng		Tự nhập	
3	Đơn vị ký	Đơn vị ký kết hợp đồng		Chọn từ danh sách	X
4	Số hợp đồng	Số hiệu hợp đồng	PLX-MinhAnh	Tự nhập	X
5	Ngày hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	31/03/202	Tự nhập	X
6	Khách	Khách mua hàng		Chọn từ danh sách	X
7	Nhóm địa lý	Danh sách các Cty/CN/XN (Company code) là đơn vị xuất hóa đơn, kèm theo danh mục các CHXD trên toàn quốc Danh sách này được khai báo tại danh mục "Nhóm địa lý"		Chọn từ danh sách	X

STT	Trường thông tin	Diễn giải/Description	Giá trị	Loại thông tin	Bắt buộc
8	Loại hình	Loại hình hợp đồng	4 - Công nợ khách Công ty/ Chi nhánh 5 - Công nợ khách Tập đoàn 6 - Công nợ khách Công ty	Chọn từ danh sách	X

Lưu ý:

- Hợp đồng được giao cho các công ty thực hiện thông qua việc gán nhóm công ty. Khi công ty muốn thực hiện thì phải gán nhóm cửa hàng vào hợp đồng.
- Khách hàng đã ký hợp đồng với Cấp trên và nhận hàng trên toàn quốc thì không được ký hợp đồng với cấp dưới (đảm bảo theo nguyên tắc các điểm nhận hàng trên hợp đồng không được trùng nhau)
- Hợp đồng do Cấp nào ký và tạo trên phần mềm, chỉ user thuộc cấp đó có quyền sửa/ xóa thay đổi thông tin.
- Mỗi hợp đồng có thể lấy hàng tại các đơn vị khác nhau, đơn vị này thuộc đơn vị cấp dưới của Đơn vị ký hợp đồng.
- Tại mỗi đơn vị, tại một thời điểm, mỗi khách hàng chỉ được có 01 hợp đồng có hiệu lực, trong trường hợp thay đổi, bổ sung thông tin thì sẽ thực hiện bổ sung phụ lục hợp đồng hoặc dừng hợp đồng cũ và thay bằng hợp đồng mới.
- Các hợp đồng trùng đơn vị ký hợp đồng, Khách hàng, Loại hình công nợ không được trùng thời gian hiệu lực.

3.1.3.2 Gán hạn mức công nợ cho hợp đồng

Đường Dẫn: Hệ thống / Dm toàn ngành/ Hợp đồng bán hàng công nợ - Tập đoàn/ Hạn mức công nợ



Thông tin nhập:

STT	Trường thông tin	Diễn giải/Description	Giá trị	Loại thông tin	Bắt buộc
1	SysID	Hệ thống tự sinh		Tự động	X
2	Hợp đồng	Số hợp đồng		Tự động	X
3	Nhóm giá	Nhóm giá		Chọn từ danh sách	X
4	Hiệu lực	Ngày bắt đầu có hiệu lực		Tự nhập	X
5	Đến ngày	Ngày hết hạn hiệu lực		Tự nhập	X
6	Hạn mức tiền	Số tiền tối đa được nợ theo hợp đồng		Tự nhập	X
7	Hạn mức lượng	Số lượng tối đa được nợ theo hợp đồng. Có thể bỏ trống nếu không chặn hạn mức theo lượng		Tự nhập	

STT	Trường thông tin	Diễn giải/Description	Giá trị	Loại thông tin	Bắt buộc
8	Số ngày nợ	Số ngày tối đa được nợ		Tự nhập	X
9	Lịch thanh toán	Lịch thanh toán		Chọn từ danh sách	
10	Grace period	Ngày ân hạn		Tự nhập	X
11	Chặn Cnợ	Hình thức chặn công nợ: - Không chặn - Theo tiền - Theo lượng - Theo due-date - Tiền và Due-date - Lượng và Due-date		Chọn từ danh sách	
12	Trạng thái	Open: Mở Close: kết thúc		Chọn từ danh sách	

Lưu ý:

- Công ty không chỉnh sửa được hạn mức công nợ, vì hạn mức này áp dụng cho toàn ngành và công nợ cũng theo dõi toàn ngành.
- Hạn mức: mỗi hợp đồng đều có 1 trong 2 loại hạn mức sau
    - Hạn mức tiền theo các chiều: giá trị, due-date hoặc theo giá trị + due-date
    - Hạn mức lượng quản lý theo các chiều: Tổng lượng các mặt hàng hoặc theo từng mặt hàng. Nếu quản lý lượng theo mặt hàng thì khách hàng chỉ được mua các mặt hàng đó.
- Clear công nợ theo lựa chọn: chung toàn ngành hoặc chỉ clear các chứng từ phát sinh Nợ-Có trọng phạm vi mỗi CC.

3.1.3.3 Khai báo mức giảm giá

Đường Dẫn: Hệ thống / Dm toàn ngành/ Hợp đồng bán hàng công nợ - Tập đoàn/ Hạn mức công nợ/ Giảm giá trên giá bán



Thông tin nhập:

STT	Trường thông tin	Diễn giải/Description	Giá trị	Loại thông tin	Bắt buộc
1	SysID	Hệ thống tự sinh		Tự động	X
2	Up-ID	SysID tại tab Gán hạn mức công nợ		Tự động	X
3	Mặt hàng	Hàng hóa được giảm giá		Tự nhập	X
4	Số tiền giảm	Số tiền được giảm so với giá bán		Tự nhập	X

Lưu ý:

- Không được nhập trùng mặt hàng và Số tiền được giảm > 0 (nếu có).
- Giá bán hàng, là giá bán lẻ tại CHXD tại thời điểm giao hàng hóa – (trừ) mức giảm giá/chiết khấu (nếu có).

- Mức giảm giá để viết hóa đơn là mức giảm giá được thống nhất trong hợp đồng của Đơn vị ký hợp đồng với khách hàng.

3.1.3.4 Khai báo Hạn mức lượng

Đường Dẫn: Hệ thống / Dm toàn ngành/ Hợp đồng bán hàng công nợ - Tập đoàn/ Hạn mức công nợ/ Hạn mức lượng



***Thông tin nhập*:**

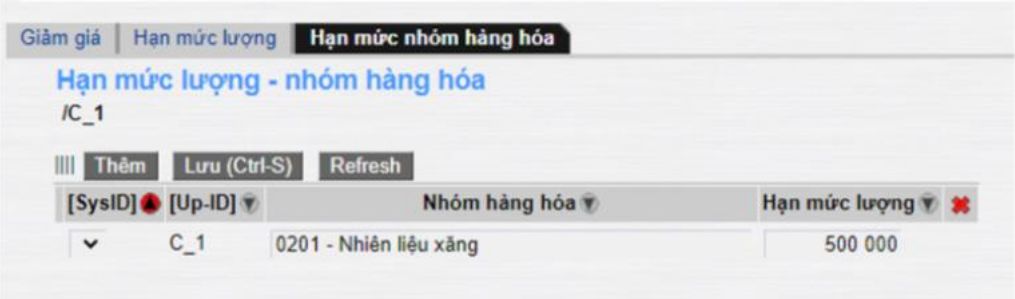
STT	Trường thông tin	Diễn giải/Description	Giá trị	Loại thông tin	Bắt buộc
1	SysID	Hệ thống tự sinh		Tự động	X
2	Up-ID	SysID tại tab Gán hạn mức công nợ		Tự động	X
3	Mặt hàng	Chỉ các mặt hàng được khai báo mới thực hiện Trả hàng được		Tự nhập	X
4	Hạn mức lượng	Số lượng tối đa khách được mua nợ		Tự nhập	X

Lưu ý:

- Không được nhập trùng nhóm mặt hàng hoặc hàng hóa. Số lượng > 0.
- Hạn mức lượng quản lý theo các chiều:
    - Tổng lượng các mặt hàng: Khai báo hạn mức Lượng tại tab "Gán hạn mức công nợ"
    - Chi tiết từng mặt hàng: Khai báo hạn mức lượng tại tab "Hạn mức lượng". Nếu quản lý chi tiết theo mặt hàng thì khách hàng chỉ được lấy các mặt hàng được khai báo.

3.1.3.5 Khai báo Hạn mức nhóm hàng hóa

Đường Dẫn: Hệ thống / Dm toàn ngành/ Hợp đồng bán hàng công nợ - Tập đoàn/ Hạn mức công nợ/ Hạn mức nhóm hàng hóa



***Thông tin nhập*:**

STT	Trường thông tin	Diễn giải/Description	Giá trị	Loại thông tin	Bắt buộc
1	SysID	Hệ thống tự sinh		Tự động	X
2	Up-ID	SysID tại tab Gán hạn mức công nợ		Tự động	X
3	Nhóm hàng hóa	Chỉ Nhóm hàng hóa được khai báo mới thực hiện Trả hàng được.		Tự nhập	X
4	Hạn mức lượng	Số lượng tối đa khách được mua nợ		Tự nhập	X

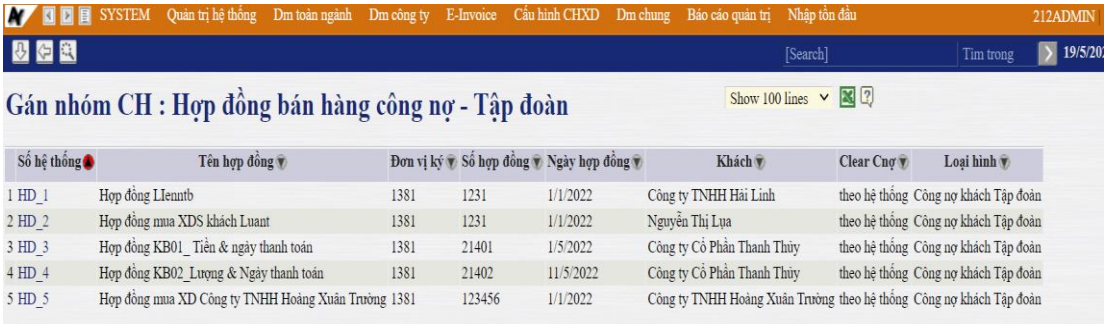
Lưu ý:

- Ưu tiên kiểm tra hạn mức Mặt hàng nếu khai báo cả hai.
- Không được nhập trùng nhóm hàng hóa. Số lượng > 0 (nếu có).

3.1.3.6 Gán nhóm cửa hàng với Hợp đồng

Đường Dẫn: Hệ thống/ Dm toàn ngành/ Gán nhóm CH: Hợp đồng bán hàng công nợ - Tập đoàn.

- B1: Chọn Menu Gán nhóm CH: Hợp đồng bán hàng công nợ - Tập đoàn.



***Thông tin*:**

STT	Trường thông tin	Diễn giải/Description	Giá trị	Loại thông tin	Bắt buộc
1	Số hệ thống	Số hệ thống tự sinh		Tự động	X
2	Tên hợp đồng	Tên hợp đồng		Tự đồng	X
3	Đơn vị ký	Đơn vị ký		Tự đồng	X
4	Số Hợp đồng	Số hợp đồng		Tự động	X
5	Ngày hợp đồng	Ngày ký hợp đồng		Tự động	X
6	Khách	Khách ký hợp đồng		Tự động	X
7	Clear Cno	Clear công nợ tự động		Tự động	X
8	Loại hình	Công nợ khách Tập đoàn		Tự động	X

- B2: Chọn số hệ thống trong bảng: Gán nhóm CH: Hợp đồng bán hàng công nợ - Tập đoàn/ Gán nhóm CH.



Thông tin nhập:

STT	Trường thông tin	Diễn giải/Description	Giá trị	Loại thông tin	Bắt buộc
1	SysID	Số hệ thống tự sinh		Tự động	X
2	Hợp đồng	Hợp đồng		Chọn trong Danh sách	X
3	Nhóm cửa hàng	Gán Hợp đồng với Nhóm cửa hàng khách lấy hàng		Chọn trong Danh sách	X

4 Kiểm tra hạn mức phương tiện tại Egas

4.1 Mục đích

Kiểm tra hạn mức phương tiện tại hệ thống Egas đã được khai tại chức năng hạn mức phương tiện/ Hạn mức nhóm phương tiện báo trên cổng dịch vụ.

4.2 Điều kiện thực hiện

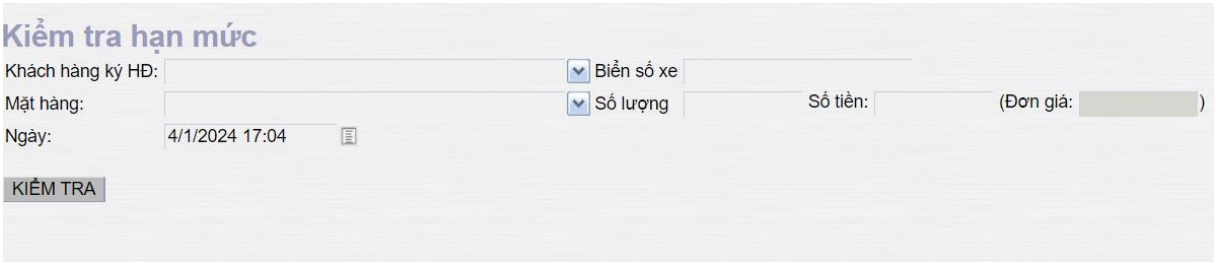
Biển số xe của phương tiện cần được khai báo tại https://congdichvu.petrolimex.com.vn

4.3 Thực hiện

Cửa hàng vào chức năng ‘Kiểm tra hạn mức theo phương tiện’ tại giao diện ca bán hàng:



- Thực hiện cập nhật các điều kiện lọc để kiểm tra hạn mức theo phương tiện:



  - Khách hàng ký HĐ: Bắt buộc nhập. Cho phép chọn một giá trị từ danh sách Khách ký Hợp đồng (không bao gồm khách trực thuộc)
  - Biển số xe: Bắt buộc. Cho nhập free text
  - Mặt hàng: Bắt buộc nhập. Cho chọn một giá trị trong Danh mục Hàng hóa đã đồng bộ sang Portal
  - Số lượng: Không bắt buộc. Cho nhập free text, tối đa 2 số thập phân. Tự động tính Tiền đặt dựa theo Giá
  - Số tiền: Không bắt buộc. Cho nhập free text, không có số thập phân. Tự động tính Lượng đặt dựa theo Giá
  - Đơn giá: Tự động load, giá bán cho khách (không phải giá bán lẻ)
  - Ngày: Ngày giờ kiểm tra, bắt buộc nhập, mặc định là sysdate, format dd/mm/yyyy/ hh:mm

- Mẫu báo cáo:



I. Hạn mức

1. Hạn mức được giao

STT	Mã chứng từ	Từ ngày	Đến ngày	Hạn mức được giao	Hạn mức đã sử dụng	Hạn mức còn lại	Tiền đặt	Đơn vị giao	Đơn vị nhận	Đơn vị nhận công nợ	Đơn vị nhận hóa đơn	Đơn vị tích điểm	Trạng thái
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) - (5)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	QHM.001	01/08/2023 00:00	1/08/2023 3:59	100,000,000	30,000,000	70,000,000	3,000,000	123456 - Viện Kiểm Sát Nhân Dân Tỉnh Quảng Ninh	123456001 - Viện Kiểm Sát Nhân Dân Thành phố Cẩm Phả	123456 - Viện Kiểm Sát Nhân Dân Tỉnh Quảng Ninh	123456001 - Viện Kiểm Sát Nhân Dân Thành phố Cẩm Phả	123456001 - Viện Kiểm Sát Nhân Dân Thành phố Cẩm Phả	Hiệu lực

2. Hạn mức Nhóm Phương tiện/phương tiện

STT	Mã chứng từ	Từ ngày	Đến ngày	Phương tiện/ Nhóm Phương tiện	Hàng hóa/ Nhóm Hàng hóa	Lượng đặt	Hạn mức còn lại				Hạn mức được giao				Hạn mức đã sử dụng				Trạng thái
							Tổng lượng	Tháng	Tuần	Ngày	Tổng lượng	Tháng	Tuần	Ngày	Tổng lượng	Tháng	Tuần	Ngày	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)= (11) - (15)	(8)=(12) - (16)	(9)= (13) - (17)	(10)= (14) - (18)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
1	QG.001	01/08/2023 00:00	31/08/2023 23:59	Nhóm PT 01	0601002 - DO 0.05S-II	50	300				1,000				700				

II. Tham khảo

1. Hạn mức được giao

STT	Mã chứng từ	Hạn mức được giao	Hạn mức đã sử dụng	Hạn mức còn lại	Từ ngày	Đến ngày	Đơn vị giao	Đơn vị nhận	Đơn vị nhận công nợ	Đơn vị nhận hóa đơn	Đơn vị tích điểm	Trạng thái
	(1)	(2)	(3)	(4) = (2) - (3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	QHM.001	100,000,000	30,000,000	70,000,000	01/08/2023 00:00	31/08/2023 23:59	123456 - Viện Kiểm Sát Nhân Dân Tỉnh Quảng Ninh	123456001 - Viện Kiểm Sát Nhân Dân Thành phố Cẩm Phả	123456 - Viện Kiểm Sát Nhân Dân Tỉnh Quảng Ninh	123456001 - Viện Kiểm Sát Nhân Dân Thành phố Cẩm Phả	123456001 - Viện Kiểm Sát Nhân Dân Thành phố Cẩm Phả	Hiệu lực

2. Hạn mức Nhóm Phương tiện/ Phương tiện

STT	Mã chứng từ	Từ ngày	Đến ngày	Phương tiện/ Nhóm Phương tiện	Hàng hóa/ Nhóm Hàng hóa	Lượng đặt	Hạn mức còn lại				Hạn mức được giao				Hạn mức đã sử dụng				Trạng thái
							Tổng lượng	Tháng	Tuần	Ngày	Tổng lượng	Tháng	Tuần	Ngày	Tổng lượng	Tháng	Tuần	Ngày	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)= (11) - (15)	(8)=(12) - (16)	(9)= (13) - (17)	(10)= (14) -(18)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
1	QG.001	01/08/2023 00:00	31/08/2023 23:59	Nhóm PT 01	0601002 - DO 0.05S-II	50	300				1,000				700				

- Mô tả báo cáo:

  I. Hạn mức: Hạn mức Hợp lệ được hiển thị tại khu vực này

  1. Hạn mức được giao: Để trống nếu khách không có cấu trúc tổ chức
     - (1): Mã chứng từ
     - (2): Từ ngày
     - (3): Đến ngày
     - (4): Hạn mức tiền. Trường chặn công nợ = Tiền/ tiền và Due – date.
     - (5): Lấy giá trị “số dư cuối kỳ” (Nợ để dương, có để âm.
     - (6) = (4) - (5)
     - (7): Dữ liệu NSD nhập theo "Tiền đặt" hoặc hệ thống tự động quy đổi = Lượng đặt * Đơn giá của Hợp đồng
     - (8): Mã Đơn vị giao + Tên Đơn vị giao
     - (9): Mã Đơn vị nhận + Tên Đơn vị nhận
     - (10): Mã Đơn vị nhận công nợ + Tên Đơn vị nhận công nợ
     - (11): Mã Đơn vị nhận hóa đơn + Tên Đơn vị nhận hóa đơn
     - (12): Mã Đơn vị tích điểm + Tên Đơn vị tích điểm
     - (13): Trạng thái

  2. Hạn mức Nhóm Phương tiện/ Phương tiện
     - (1): Mã chứng từ
     - (2): Từ ngày
     - (3): Đến ngày
     - (4): Phương tiện/ Tên Nhóm Phương tiện được giao
     - (5): Hàng hóa/ Nhóm Hàng hóa
     - (6): Số lượng đặt qua POS nếu đặt theo lượng hoặc hệ thống quy đổi = Tiền đặt/ Đơn giá của Hợp đồng
     - (7) ==(11) -(15)
     - (8) =(12) -(16)
     - (9) =(13) -(17)
     - (10) =(14) -(18)
     - (11): Tổng lượng được giao
     - (12): Hạn mức giao theo tháng
     - (13): Hạn mức giao theo tuần
     - (14): Hạn mức giao theo ngày
     - (15): Tổng lượng đã lấy
     - (16): Lượng đã lấy theo tháng
     - (17): Lượng đã lấy theo tuần

- (18): Lượng đã lấy theo ngày
- (19): trạng thái

II. Tham khảo: Hạn mức không Hợp lệ liên quan được hiển thị tại khu vực này trong trường hợp:

- Dữ liệu tại I. trống
- Khách có cấu trúc tổ chức
- Các cột màu vàng có thể chưa được clear

5 Quản lý trả hàng

5.1 Mục đích

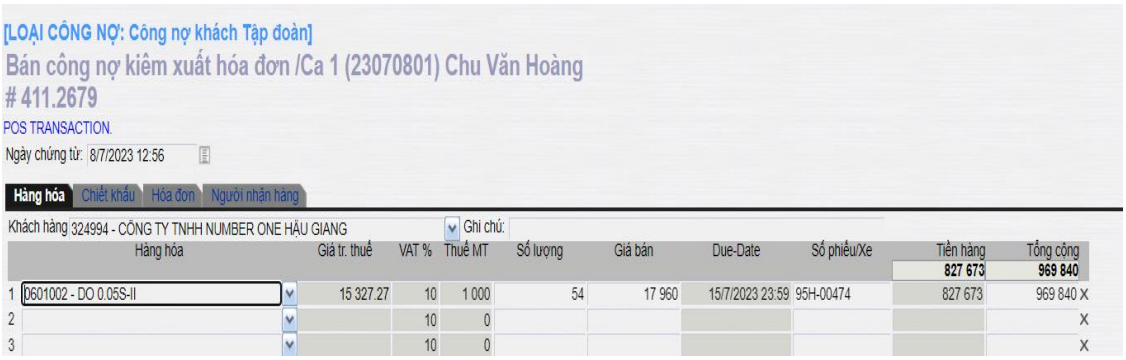
Quản lý trả hàng cho khách hàng tại các cửa hàng

5.2 Điều kiện thực hiện

- Lái xe chỉ lấy hàng được tại các của hàng khi có hạn mức hợp lệ và thông tin của phương tiện phải khớp với hạn mức đã có.
- Có thiết bị thanh toán POS trong trường hợp xuất trả hàng qua POS
- Khách hàng có Mã khách tại EGAS và có PLXID

5.3 Hướng dẫn chi tiết

- ***Người thực hiện***: User Của hàng xăng dầu.
- Xuất trả hàng qua POS từ màn hình POS chọn chức năng “Trả hàng”.
- Khách hàng (Lái xe) cung cấp các thông tin cần thiết để xác định phương tiện (QR code định danh, móc chìa khóa,…)
- Cửa hàng kiểm tra thông tin người và phương tiện, chỉ các phương tiện được giao hạn mức mới đủ điều kiện lấy hàng. Thiết bị kiểm tra là POS của cửa hàng.
- Cửa hàng xuất hàng cho Lái xe, số lượng không được vượt quá số lượng còn được lấy theo hạn mức được giao cho phương tiện, đồng thời không được vượt quá hạn mức còn lại của hợp đồng/ hoặc hạn mức hợp đồng được cấp trên giao cho.
- Sau khi thực hiện xuất trả hàng cho khách hàng thành công, hệ thống tự động sinh hóa đơn 411 trên EGAS.



- Lưu ý:
    - Hệ thống chặn không cho NSD nhập thủ công chứng từ trả hàng BHTQ qua giao diện 411. Trường hợp có sự cố CHXD thực hiện theo quy trình xử lý sự cố tại Tab "Log bơm" trên EGAS.

5.3.1 Xử lý sự cố khi trả hàng BHTQ

Các trường hợp sự cố gồm:

- Xuất trả hàng thành công qua POS, nhưng EGAS không tự động sinh hóa đơn 411
- Xuất thủ công cho khách (trường hợp POS hỏng)

Với các trường hợp sự cố khi trả hàng BHTQ, cửa hàng thực hiện xử lý sự cố ở tab "Log bơm" trên EGAS như sau:

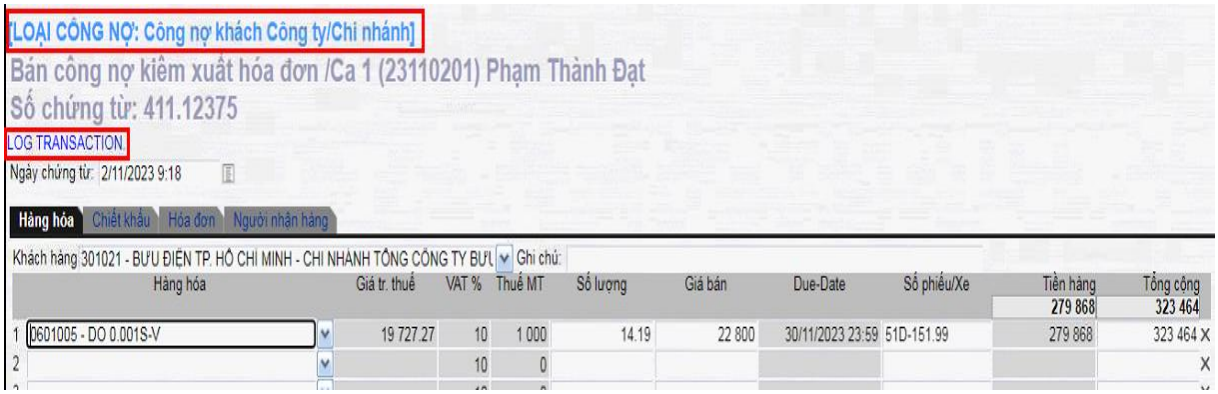
5.3.1.1 Xuất trả hàng thành công qua POS, nhưng EGAS không tự động sinh hóa đơn 411

Tại Tab "Log bơm" của ca bán hàng có phát sinh Log bơm trả hàng cho khách:

- Tìm kiếm đến Log bơm đã trả hàng. Hệ thống đã mặc định các thông tin
    - HTTT = CNO
    - Mã khách: Không cho phép nhập
    - Biển số xe = Biển số xe của xe đã lấy hàng
- Chọn Loại log = Công nợ
- Chọn chức năng = "Xuất nhiều HĐ khách công nợ" → Tích chọn vào Log bơm → Kích chọn nút "Thực hiện"



- Hệ thống tự động sinh hóa đơn 411 tương tự như việc trả hàng qua POS.



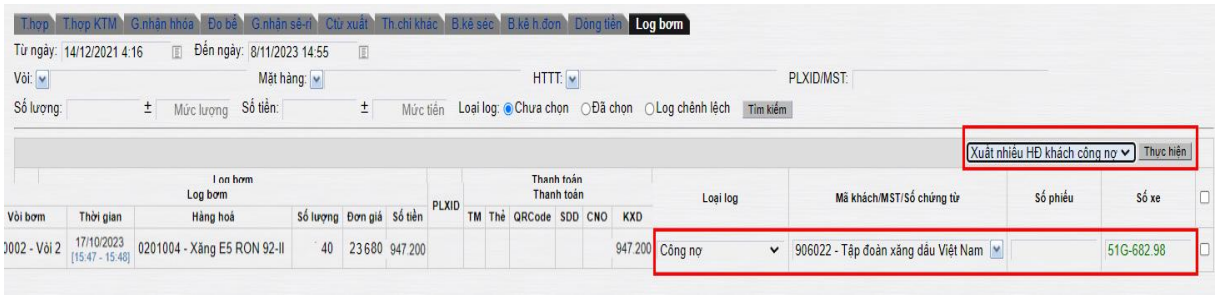
5.3.1.2 Xuất thủ công cho khách (trường hợp POS hỏng, hoặc hệ thống lỗi)

Với các trường hợp xuất thủ công cho khách BHTQ, CHXD cần được sự đồng ý của VPCTY/ Tập đoàn trước khi thực hiện

Để thực hiện xuất hóa đơn BHTQ thủ công trên EGAS, User thực hiện phát hành hóa đơn phải được phân quyền "BHTQ - Xuất hoá đơn BHTQ thủ công"

Tại Tab "Log bơm" của ca bán hàng có phát sinh Log bơm trả hàng cho khách:

- Tìm kiếm đến Log bơm đã trả hàng (HTTT của Log bơm = KXD)
- NSD nhập các thông tin:
  - Loại log = Công nợ
  - Mã khách = Mã khách ký hợp đồng (khách PLXID)
  - Biển số xe = Biển số xe của xe đã lấy lấy hàng
- Chọn chức năng = "Xuất nhiều HĐ khách công nợ" → Tích chọn vào Log bơm → Kích chọn nút "Thực hiện"



- Hệ thống tự động sinh hóa đơn 411 tương tự như việc trả hàng qua POS.

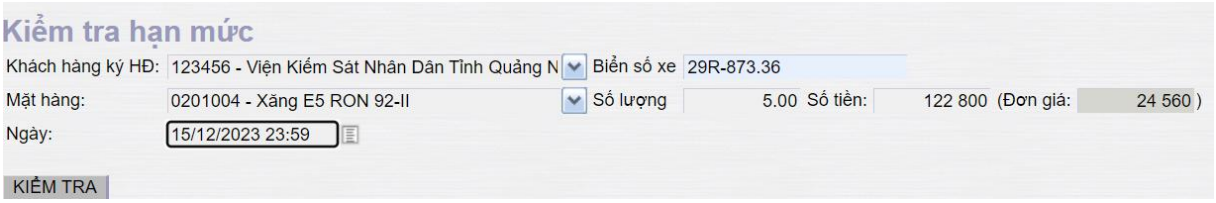


5.3.1.3 Xuất hóa đơn không gắn log cho khách BHTQ

Với trường hợp giao dịch BHTQ không ghi nhận được log, CHXD cần được sự đồng ý của VPCTY/ Tập đoàn trước khi thực hiện.

Điều kiện thực hiện: Cửa hàng cần được phân quyền "BHTQ - Xuất hoá đơn BHTQ thủ công" cho user để thực hiện tại giao diện ca bán hàng

Thực hiện tại chức năng "Kiểm tra hạn mức phương tiện" ở giao diện ca bán hàng:



- Khách hàng ký hợp đồng: chọn mã khách ký hợp đồng
- Biển số xe: Cập nhật biển số xe lấy hàng
- Mặt hàng: cập nhật mã hàng hóa đã lấy hàng
- Nhập Số lượng: Tự động tính Số tiền
- Nhập Số tiền: Tự động tính Số lượng với 2 số thập phân
- Đơn giá: Giá bán cho khách
- Ngày: Thời điểm kiểm tra hạn mức phương tiện

Kích nút KIỂM TRA để kiểm tra hạn mức phương tiện đủ điều kiện lấy hàng xuất hóa đơn cho khách:



- Dữ liệu tại khu vực Thông tin chung:
  - Dòng 'trạng thái hợp đồng' : Hiệu lực
  - Dòng 'Trạng thái' : đủ hạn mức lấy hàng

➔ Xuất hiện nút XUẤT HOÁ ĐƠN để xuất hóa đơn cho khách BHTQ không gắn log.

- Cập nhật lý do (bắt buộc).

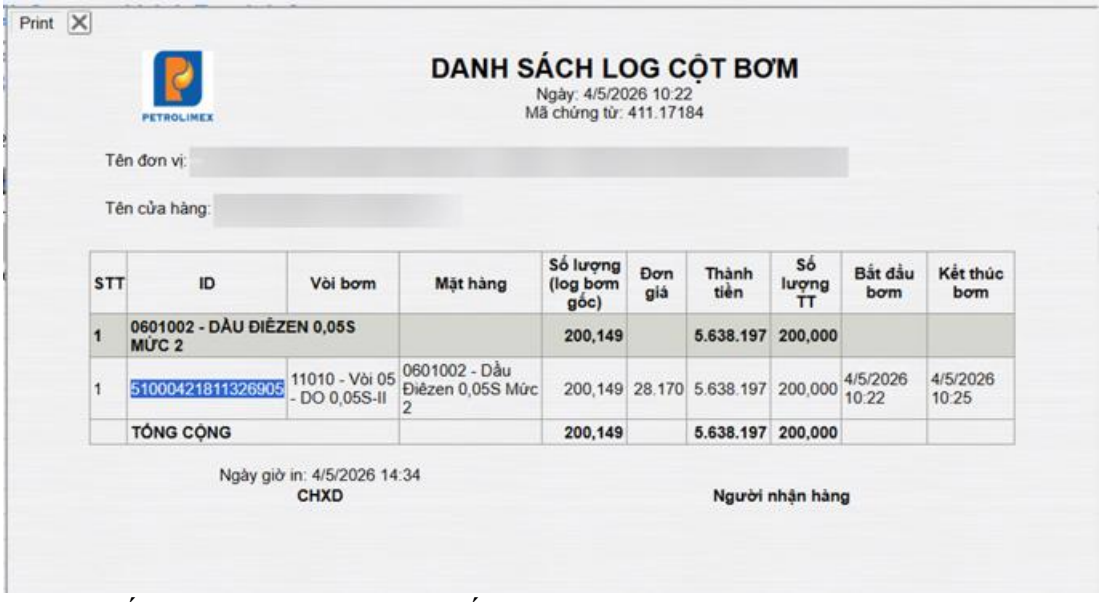
Kích XUẤT HOÁ ĐƠN để tạo hóa đơn và xuất hiện thôngng báo tạo hóa đơn thành công:



- **Lưu ý:** Với những hóa đơn được tạo ra tại chức năng này cửa hàng/ nghiệp vụ sẽ không thể sửa/ xóa được chứng từ hóa đơn

5.3.1.4 Xuất hóa đơn khi số lượng thực bơm khác số lượng trên lệnh đặt

Nếu số lượng trên log bơm đã xuất hàng cho khách hàng khác với số lượng trên lệnh trả hàng gửi ra cột bơm (lệnh đặt) phần mềm sẽ xử lý như sau:



- Số lượng thực bơm < = Số lượng trên lệnh đặt: Phát hành hóa đơn theo số lượng thực bơm
- Số lượng thực bơm > Số lượng trên lệnh đặt:
  - ❖ Nếu số lượng thực bơm đủ điều kiện xuất hàng theo hạn mức: Phát hành hóa đơn theo số lượng thực bơm.
  - ❖ Nếu số lượng thực bơm không đủ điều kiện xuất hàng theo hạn mức, log bơm sẽ không phát hành hóa đơn. Sau khi khách hàng có đủ hạn mức, cửa hàng thực hiện phát hành hóa đơn thủ công từ tab log bơm của phần mềm Egas.

Thông tin trên hóa đơn có giá trị như sau:

- Số lượng trên hóa đơn = Số lượng log bơm
- Tổng tiền trên hóa đơn được tính theo quy tắc sau:
  - ❖ Nếu khách hàng không có chính sách giá, Tổng tiền hóa đơn = Tổng tiền trên log bơm.
  - ❖ Nếu không có giảm giá, Tổng tiền trên hóa đơn = Số lượng log bơm * Đơn giá giảm.

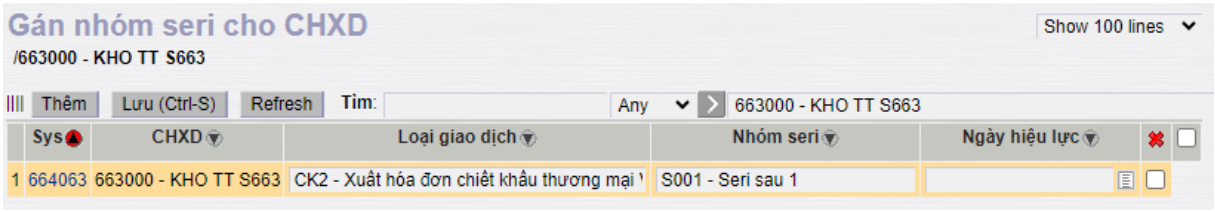
6 Xuất hóa đơn chiết khấu BHTQ

6.1 Mục đích

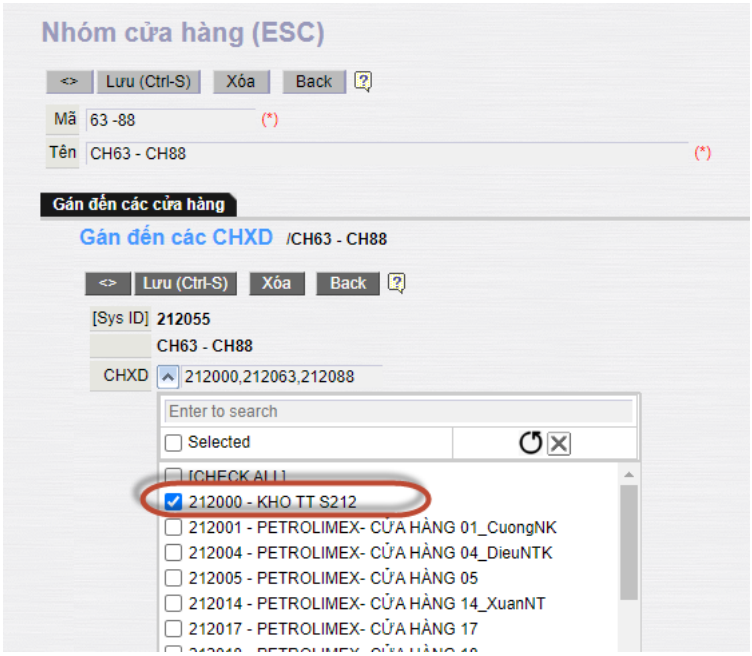
VPCTY thực hiện xuất hóa đơn chiết khấu BHTQ cho khách hàng tại Egas trung tâm

6.2 Điều kiện thực hiện

- User VPCTy thực hiện xuất hóa đơn phải được gán quyền "VP1- Kế toán VpCty"
- Khai báo Seri hóa đơn cho phương thức CK2 và gán với VPCTY tại menu: ***E-Invoice/ Gán nhóm Seri cho CHXD.***



- Nhóm Cửa hàng (ESC): Cần khai thêm Văn phòng (mã 000) tại menu ***Hệ thống/ Dm công ty/ Nhóm cửa hàng (ESC)***



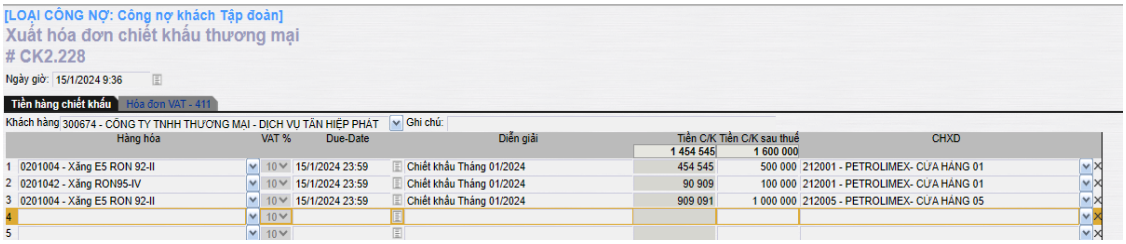
Lưu ý: Nếu không khai báo VPCTY cho nhóm cửa hàng thì khi VPCTY thực hiện CK2 hệ thống sẽ báo lỗi "Khách XXX không có hạn mức công nợ"

6.3 Hướng dẫn chi tiết

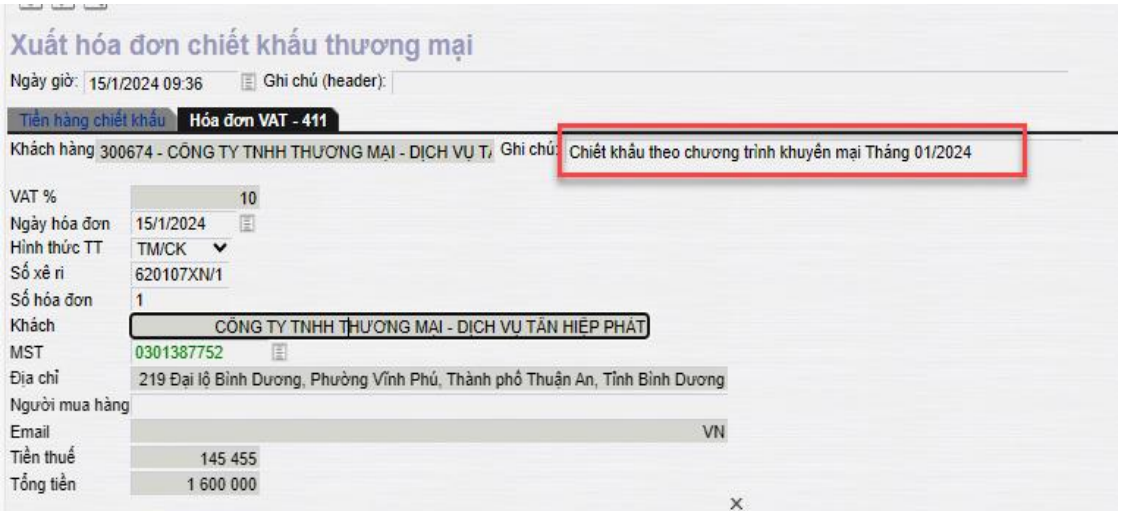
Cán bộ văn phòng thực hiện xuất hóa đơn tại menu : ***CHXD/ Vpcty/ Xuất hóa đơn chiết khấu tại VpCty***

- Tại tab ***Tiền hàng chiết khấu:*** NSD nhập các thông tin:
  - Hàng hóa: Nhập chi tiết thông tin chiết khấu theo từng mặt hàng, từng CHXD

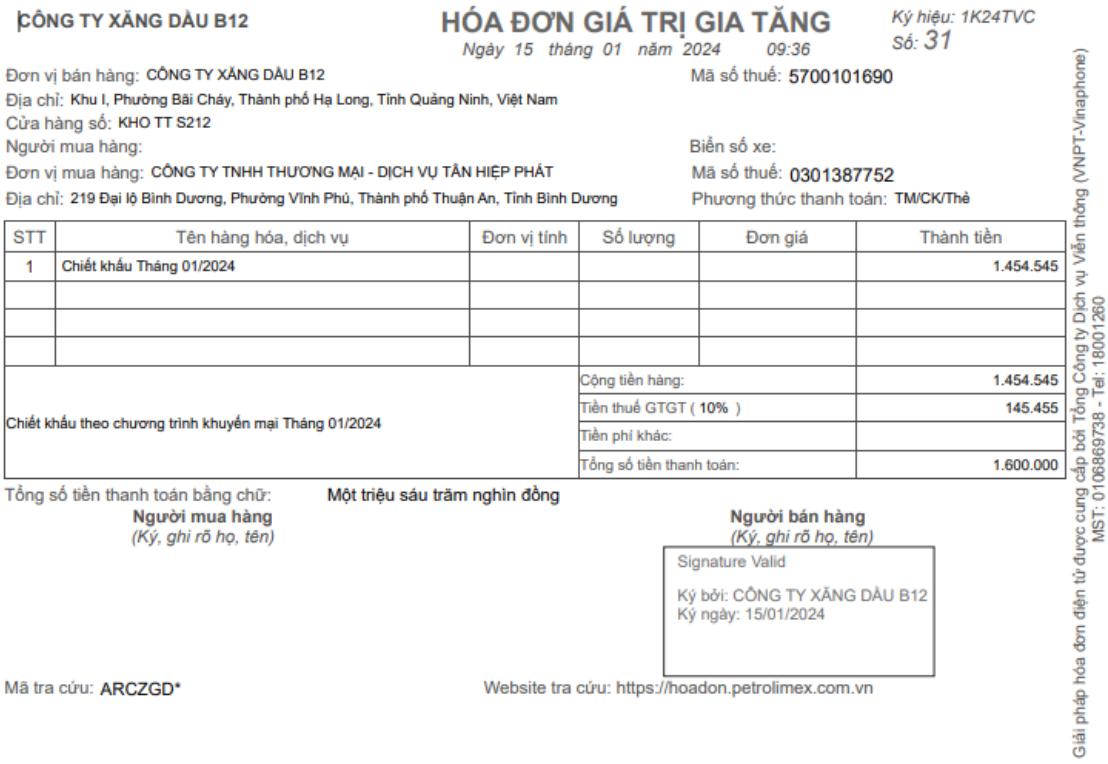
- Diễn giải: Nhập thông tin diễn giải về nội dung chiết khấu.
  - Thông tin này sẽ hiển thị ở "Tên hàng hóa, dịch vụ" trên hóa đơn.
  - Trường hợp NSD nhập nội dung "Diễn giải" ở các dòng giống nhau: Khi phát hành hóa đơn sẽ thể hiện tổng tiền theo nội dung "Diễn giải"
- Tiền chiết khấu sau thuế: Nhập số tiền chiết khấu sau thuế theo từng dòng



- Tại tab **Hóa đơn VAT – 411**: NSD thực hiện:
  - Nhập thông tin tại trường "Ghi chú": Nhập căn cứ/ lý do hưởng chiết khấu và được thể hiện trên hóa đơn
  - Kiểm tra các thông tin về khách hàng: Tên khách, MST, địa chỉ, Email,…. Và các thông tin về tiền thuế, Tổng tiền



- Kích nút Lưu (Ctrl-S) để tạo hóa đơn chiết khấu CK2.
- Thông tin hóa đơn chiết khấu
  - Tên hàng hóa dịch vụ: Cột "Diễn giải" tại Tab "Tiền hàng chiết khấu"
  - Thành tiền: Cột "Tiền chiết khấu trước thuế" tại Tab "Tiền hàng chiết khấu"
  - Tên hàng hóa, Thành tiền: được tính tổng và gom nhóm theo thông tin "Diễn giải"



CÔNG TY XĂNG DẦU B12

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 15 tháng 01 năm 2024 09:36

Ký hiệu: 1K24TVC
Số: 31

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY XĂNG DẦU B12 — Mã số thuế: 5700101690
Địa chỉ: Khu I, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
Cửa hàng số: KHO TT S212
Người mua hàng: — Biển số xe:
Đơn vị mua hàng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ TÂN HIỆP PHÁT — Mã số thuế: 0301387752
Địa chỉ: 219 Đại lộ Bình Dương, Phường Vĩnh Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương — Phương thức thanh toán: TM/CK/Thẻ

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Chiết khấu Tháng 01/2024				1.454.545
Chiết khấu theo chương trình khuyến mại Tháng 01/2024			Cộng tiền hàng:		1.454.545
			Tiền thuế GTGT (10%)		145.455
			Tiền phí khác:		
			Tổng số tiền thanh toán:		1.600.000

Tổng số tiền thanh toán bằng chữ: **Một triệu sáu trăm nghìn đồng**

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY XĂNG DẦU B12
Ký ngày: 15/01/2024

Mã tra cứu: ARCZGD*

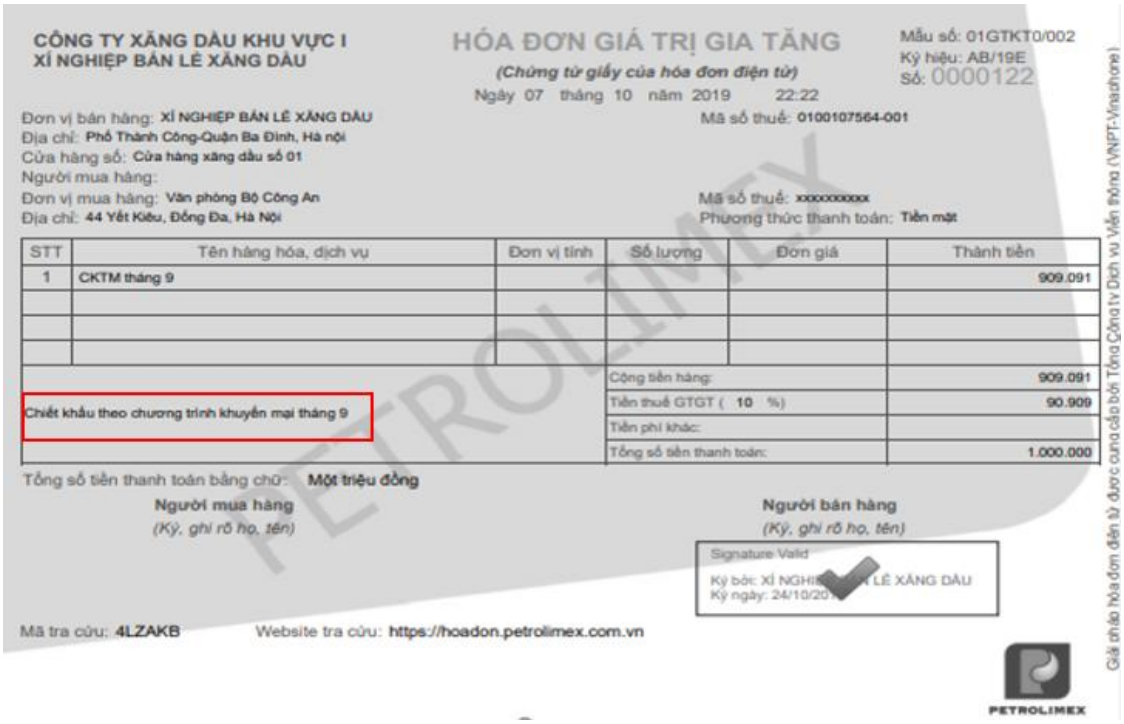
Website tra cứu: https://hoadon.petrolimex.com.vn

Giải pháp hóa đơn điện tử được cung cấp bởi Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông (VNPT-Vinaphone)
MST: 0106869738 - Tel: 18001260

- ***Lưu ý:***
  - NSD có thể nhập căn cứ/ lý do hưởng chiết khấu để thể hiện trên hóa đơn tại "ghi chú chung của chứng từ" hoặc "ghi chú tại tab Hóa đơn VAT – 411". Nếu NSD nhập cả hai nơi, hệ thống sẽ ưu tiên lấy nội dung "Ghi chú tại tab Hóa đơn VAT – 411"



Khi in hóa đơn sẽ thể hiện như sau:



CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC I
XÍ NGHIỆP BÁN LẺ XĂNG DẦU

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(Chứng từ giấy của hóa đơn điện tử)
Ngày 07 tháng 10 năm 2019 22:22

Mẫu số: 01GTKT0/002
Ký hiệu: AB/19E
Số: 0000122

Đơn vị bán hàng: XÍ NGHIỆP BÁN LẺ XĂNG DẦU
Địa chỉ: Phố Thành Công-Quận Ba Đình, Hà nội
Cửa hàng số: Cửa hàng xăng dầu số 01
Mã số thuế: 0100107564-001
Người mua hàng:
Đơn vị mua hàng: Văn phòng Bộ Công An
Địa chỉ: 44 Yết Kiêu, Đống Đa, Hà Nội
Mã số thuế: xxxxxxxxx
Phương thức thanh toán: Tiền mặt

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	CKTM tháng 9				909.091
			Cộng tiền hàng:		909.091
Chiết khấu theo chương trình khuyến mại tháng 9			Tiền thuế GTGT (10 %)		90.909
			Tiền phí khác:		
			Tổng số tiền thanh toán:		1.000.000

Tổng số tiền thanh toán bằng chữ: Một triệu đồng

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid
Ký bởi: XÍ NGHIỆP BÁN LẺ XĂNG DẦU
Ký ngày: 24/10/2019

Mã tra cứu: 4LZAKB Website tra cứu: https://hoadon.petrolimex.com.vn

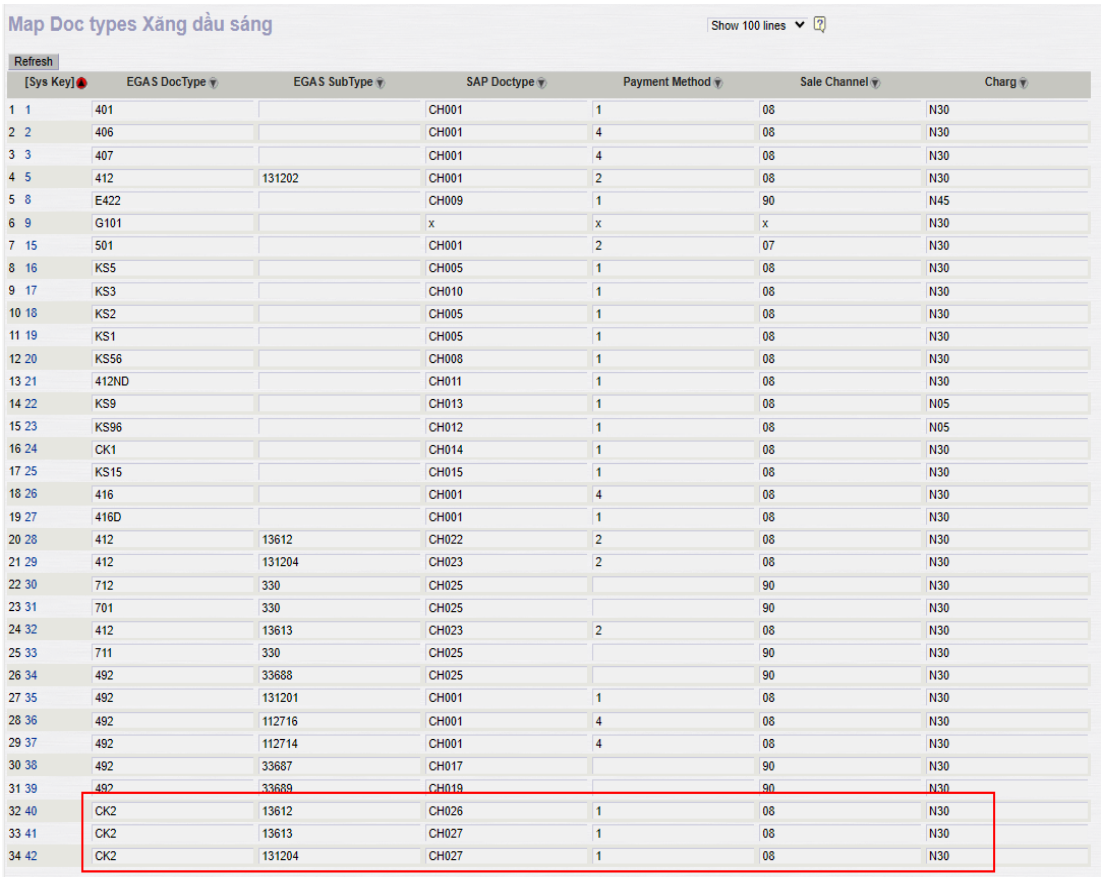
PETROLIMEX

Giải pháp hóa đơn điện tử được cung cấp bởi Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông (VNPT-Vinaphone)

- Thông tin hiển thị trên hóa đơn sẽ được được tính tổng và gom nhóm theo thông tin "Diễn giải" (không phụ thuộc vào mặt hàng và CHXD).
- Khi Tích hợp SAP, hệ thống kết xuất ra HTTG chi tiết theo từng dòng trên từng chừng từ chiết khấu (Chi tiết theo từng mặt hàng, từng CHXD)

6.4 Tích hợp SAP

Các chứng từ của nghiệp vụ chiết khấu thương mại khách BHTQ khi kết xuất DLTG thể hiện với DocType là CK2:



Map Doc types Xăng dầu sáng

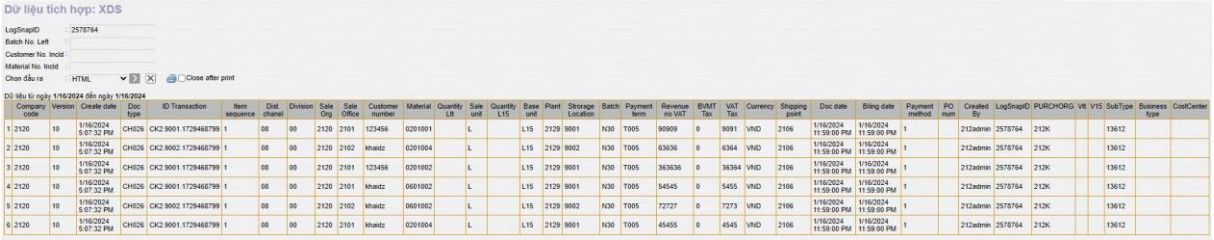
Show 100 lines

Refresh

[Sys Key]	EGAS DocType	EGAS SubType	SAP Doctype	Payment Method	Sale Channel	Charg
1 1	401		CH001	1	08	N30
2 2	406		CH001	4	08	N30
3 3	407		CH001	4	08	N30
4 5	412	131202	CH001	2	08	N30
5 8	E422		CH009	1	90	N45
6 9	G101		x	x	x	N30
7 15	501		CH001	2	07	N30
8 16	KS5		CH005	1	08	N30
9 17	KS3		CH010	1	08	N30
10 18	KS2		CH005	1	08	N30
11 19	KS1		CH005	1	08	N30
12 20	KS56		CH008	1	08	N30
13 21	412ND		CH011	1	08	N30
14 22	KS9		CH013	1	08	N05
15 23	KS96		CH012	1	08	N05
16 24	CK1		CH014	1	08	N30
17 25	KS15		CH015	1	08	N30
18 26	416		CH001	4	08	N30
19 27	416D		CH001	1	08	N30
20 28	412	13612	CH022	2	08	N30
21 29	412	131204	CH023	2	08	N30
22 30	712	330	CH025		90	N30
23 31	701	330	CH025		90	N30
24 32	412	13613	CH023	2	08	N30
25 33	711	330	CH025		90	N30
26 34	492	33688	CH025		90	N30
27 35	492	131201	CH001	1	08	N30
28 36	492	112716	CH001	4	08	N30
29 37	492	112714	CH001	4	08	N30
30 38	492	33687	CH017		90	N30
31 39	492	33689	CH019		90	N30
32 40	CK2	13612	CH026	1	08	N30
33 41	CK2	13613	CH027	1	08	N30
34 42	CK2	131204	CH027	1	08	N30

Khi tích hợp:

- CK2 được tích hợp chi tiết từng CHXD theo bảng Map mã CHXD - Storage Location
- Vẫn theo nguyên tắc tích hợp khách công nợ:
    - Nếu gộp mã khách công nợ thì ghi nhận công nợ theo mã khách cửa hàng.
    - Nếu chi tiết từng khách thì ghi nhận công nợ theo từng khách



Dữ liệu tích hợp: XDS

7 Thu tiền khách hàng

7.1 Hướng dẫn thực hiện

7.1.1 Mục đích

Tạo chứng từ thu tiền của khách công nợ hợp đồng

7.1.2 Điều kiện thực hiện

Quy trình áp dụng thu tiền tại mức Tập đoàn và thu tiền tại mức Công ty / Chi nhánh/ Xí nghiệp.

- Khi khách hàng thực hiện thanh toán

7.1.3 Hướng dẫn chi tiết

- Thu tiền Hợp đồng mức toàn ngành

Đường Dẫn: Kế toán VPCTY /Bán hàng toàn quốc/ Tập đoàn thu tiền khách công nợ (TX1)

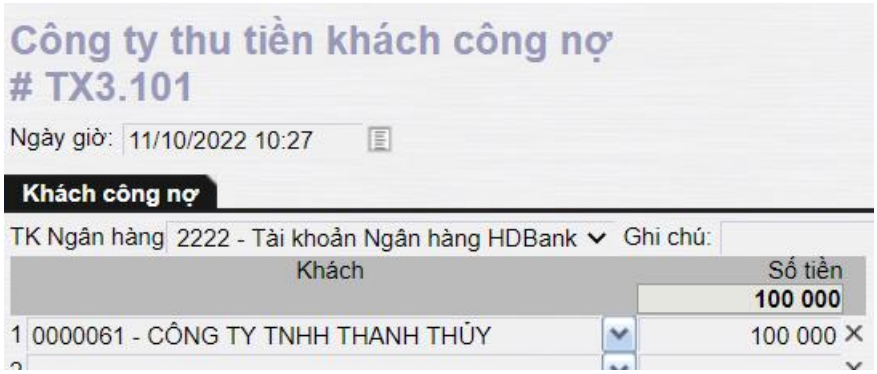
Người thực hiện: User mức Tập đoàn – PLX



- Thu tiền Hợp đồng mức Công ty có Chi nhánh/ Xí nghiệp

Đường Dẫn: Kế toán VPCTY/Bán hàng toàn quốc/ Công ty thu tiền khách công nợ (TX3)

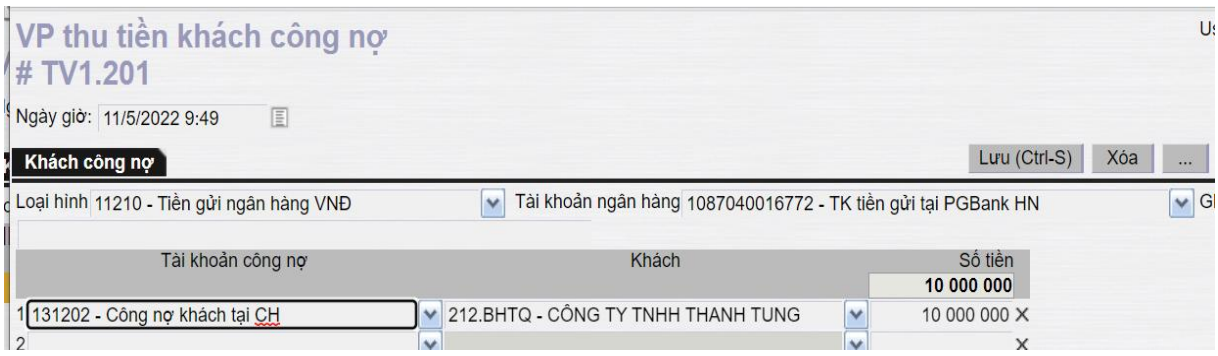
Người thực hiện: User mức Công ty



- Thu tiền Hợp đồng mức Công ty không có Chi nhánh/ Xí nghiệp hoặc Chi nhánh/ Xí nghiệp

Đường Dẫn: CHXD /Vpcty/ Vp thu tiền khách công nợ (TV1)

Người thực hiện: User mức Công ty/ Chi nhánh/ Xí nghiệp



Lưu ý: *Công nợ của mỗi khách sẽ không quản lý đến từng CHXD như hiện nay, mà chỉ quản lý theo đầu mỗi khách hàng.*

8 Cập nhật Tồn đầu khách công nợ Tập đoàn

8.1 Hướng dẫn thực hiện

8.1.1 Mục đích

Cập nhật tồn đầu của khách công nợ Tập đoàn.

8.1.2 Điều kiện thực hiện

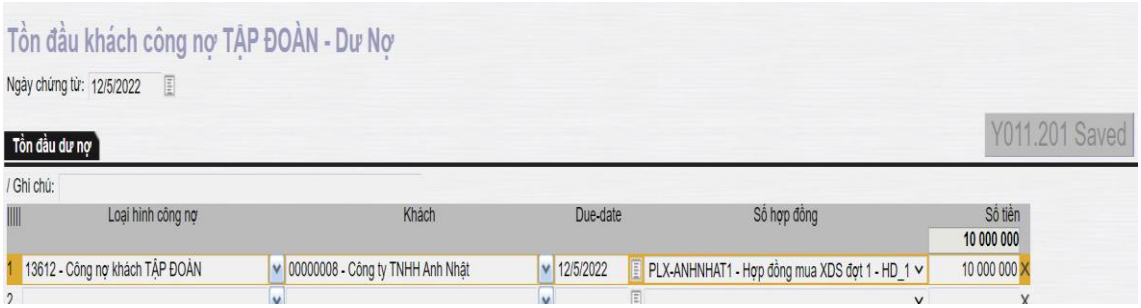
Quy trình áp dụng tại Tập đoàn:

- Khi khách hàng có dư nợ/ dư có.

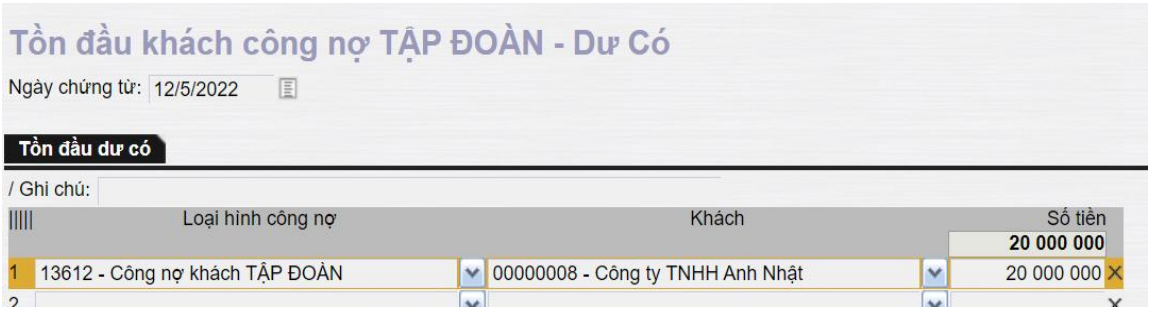
8.1.3 Hướng dẫn chi tiết

Đường dẫn: Hệ thống\Nhập tồn đầu\Tồn đầu khách dư nợ Tập đoàn - Dư nợ
Hệ thống\Nhập tồn đầu\Tồn đầu khách dư nợ Tập đoàn - Dư có

Người thực hiện: User mức Tập đoàn



- Loại hình công nợ: Chọn TK 13612 - Công nợ khách TẬP ĐOÀN
- Khách: Chọn khách hàng ký hợp đồng
- Duedate: Ngày đáo hạn trả
- Số hợp đồng
- Số tiền: Số tiền nợ



- Loại hình công nợ: Chọn TK 13612 - Công nợ khách TẬP ĐOÀN
- Khách: Chọn khách hàng ký hợp đồng
- Số tiền: Số tiền dư có

9 Báo cáo

9.1 Báo cáo tại Egas

9.1.1 Báo cáo Xuất kho – xuất hóa đơn khách hợp đồng

Đường dẫn: Kế toán Vpcty\Bán hàng toàn quốc\BC xuất kho – xuất hóa đơn khách hợp đồng

Người thực hiện: User văn phòng tại các công ty

Báo cáo xuất kho - xuất hóa đơn khách Hợp đồng

[Chọn nhanh] Từ ngày: 01/01/2022 Đến ngày: 11/10/2022 23:59

Khách :

Chọn đầu ra : HTML Close after print

STT	Khách hàng	Giá trị hàng đã lấy	Giá trị đã viết hóa đơn	Giá trị chưa viết hóa đơn
	1	2	3	4
1	0000067 - Công ty TNHH Tân Trường An	2.356.650	506.650	1.850.000
2	000LIN - Công ty TNHH Quốc Lin	237.200		237.200
3	0000066 - Cty TNHH TM Thủy Việt	5.169.482	5.169.482	
4	0000065 - CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI THÁI ANH	3.889.500		3.889.500
5	0000069 - CÔNG TY BHTQ2	25.096.080	40.872.010	(15.775.930)
6	0000063 - Công ty TNHH Anh Nhật	1.029.780	135.650	894.130
7	000khaihm - Hoàng Minh Khải	173.634		173.634
8	0000072 - CÔNG TY TNHH THANH TUNG	1.414.320		1.414.320
9	0000061 - CÔNG TY TNHH THANH THỦY	14.065.061	2.613.000	11.452.061
10	SV0001_HQ - Công ty TNHH Sao Việt Nam _HQ123	5.412.993	4.009.713	1.403.280
11	000PIACOM - Công Ty Cổ Phần Tin Học Viễn Thông Petrolimex	5.240.063		5.240.063
12	0000060 - Công ty TNHH Hải Linh	12.856.892	7.520.830	5.336.062
13	0000062 - Nguyễn Thị Lụa khách HQ	8.648.700	5.793.060	2.855.640
	TỔNG CỘNG	**85.590.355**	**66.620.395**	**18.969.960**

9.1.2 Báo cáo Xuất bán hàng hóa theo khách

Đường dẫn: Kế toán Vpcty\Bán hàng toàn quốc\BC xuất bán hàng hóa theo khách

Người thực hiện: User văn phòng tại các công ty

+ Theo khách lấy hàng

BÁO CÁO XUẤT BÁN HÀNG HÓA THEO KHÁCH

[Chọn nhanh] Từ ngày: 01/05/2024 Đến ngày: 15/5/2024 23:59

Đơn vị : 321

Khách :

Nhóm hàng hóa :

Hàng hóa :

Chọn đầu ra : HTML Close after print

GOTO : Theo khách lấy hàng >

STT	Khách hàng/Đơn vị xuất hàng/Hàng hóa	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	1	2	3	4
1	**316138 - CÔNG TY TNHH TMT VĨNH PHÚC**	**12.591,220**		**255.000.182**
1.1	**321 - CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU VĨNH PHÚC**	**12.591,220**		**255.000.182**
1	0601002 - DO 0.05S-II	5.796,374	19.840	115.000.042
2	0601002 - DO 0.05S-II	6.555,831	20.600	135.050.140
3	0601002 - DO 0.05S-II	239,015	20.710	4.950.000
2	**317254 - CÔNG TY TNHH X.E VIỆT NAM**	**30.499,378**		**616.117.790**
2.1	**321 - CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU VĨNH PHÚC**	**30.499,378**		**616.117.790**
1	0601002 - DO 0.05S-II	12.799,020	19.740	252.652.639
2	0601002 - DO 0.05S-II	12.175,211	20.500	249.591.864
3	0601002 - DO 0.05S-II	5.525,147	20.610	113.873.287

+ Theo khách lấy hàng(CHXD)

BÁO CÁO XUẤT BÁN HÀNG HÓA THEO KHÁCH

[Chọn nhanh] Từ ngày: 14/05/2024 Đến ngày: 15/5/2024 23:59
Đơn vị : 321
Khách :
Nhóm hàng hóa :
Hàng hóa :
Chọn đầu ra : HTML Close after print
GOTO : Theo khách lấy hàng (CHXD) >

STT	Khách hàng/Đơn vị xuất hàng/CHXD	Hàng hóa	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	1	2	3	4	5
1	**316138 - CÔNG TY TNHH TMT VĨNH PHÚC**		**1.902,722**		**37.750.000**
1.1	**321 - CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU VĨNH PHÚC**		**1.902,722**		**37.750.000**
1	321010 - PETROLIMEX - CỬA HÀNG 10	0601002 - DO 0.05S-II	504,032	19.840	10.000.000
2	321026 - PETROLIMEX - CỬA HÀNG 26	0601002 - DO 0.05S-II	249,496	19.840	4.950.000
3	321035 - PETROLIMEX - CỬA HÀNG 35	0601002 - DO 0.05S-II	1.149,194	19.840	22.800.000
2	**317254 - CÔNG TY TNHH X.E VIỆT NAM**		**3.886,268**		**76.714.922**
2.1	**321 - CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU VĨNH PHÚC**		**3.886,268**		**76.714.922**
1	321026 - PETROLIMEX - CỬA HÀNG 26	0601002 - DO 0.05S-II	2.243,093	19.740	44.278.652
2	321028 - PETROLIMEX - CỬA HÀNG 28	0601002 - DO 0.05S-II	1.643,175	19.740	32.436.270

+ Theo cấu trúc khách

TẬP ĐOÀN XĂNG DẦU VIỆT NAM
EGAS Data warehouse

BÁO CÁO XUẤT BÁN HÀNG HÓA THEO KHÁCH

[Chọn nhanh] Từ ngày: 14/05/2024 Đến ngày: 15/5/2024 23:59
Đơn vị : 321
Khách :
Nhóm hàng hóa :
Hàng hóa :
Chọn đầu ra : HTML Close after print
GOTO : Theo cấu trúc khách >

STT	Khách hàng/Đơn vị xuất hàng/Hàng hóa	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	1	2	3	4
1	**316138 - CÔNG TY TNHH TMT VĨNH PHÚC**	**1.902,722**		**37.750.000**
1.1	**321 - CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU VĨNH PHÚC**	**1.902,722**		**37.750.000**
1	0601002 - DO 0.05S-II	1.902,722	19.840	37.750.000
2	**317254 - CÔNG TY TNHH X.E VIỆT NAM**	**3.886,268**		**76.714.922**
2.1	**321 - CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU VĨNH PHÚC**	**3.886,268**		**76.714.922**
1	0601002 - DO 0.05S-II	3.886,268	19.740	76.714.922

+ Theo cấu trúc khách(CHXD)



BÁO CÁO XUẤT BÁN HÀNG HÓA THEO KHÁCH

[Chọn nhanh] Từ ngày: 14/05/2024 Đến ngày: 15/5/2024 23:59

Đơn vị : 321

Khách :

Nhóm hàng hóa :

Hàng hóa :

Chọn đầu ra : HTML Close after print

GOTO : Theo cấu trúc khách (CHXD) >

STT	Khách hàng/Đơn vị xuất hàng/CHXD	Hàng hóa	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	1	2	3	4	5
1	**316138 - CÔNG TY TNHH TMT VĨNH PHÚC**		**1.902,722**		**37.750.000**
1.1	**321 - CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU VĨNH PHÚC**		**1.902,722**		**37.750.000**
1	321010 - PETROLIMEX - CỬA HÀNG 10	0601002 - DO 0.05S-II	504,032	19.840	10.000.000
2	321026 - PETROLIMEX - CỬA HÀNG 26	0601002 - DO 0.05S-II	249,496	19.840	4.950.000
3	321035 - PETROLIMEX - CỬA HÀNG 35	0601002 - DO 0.05S-II	1.149,194	19.840	22.800.000
2	**317254 - CÔNG TY TNHH X.E VIỆT NAM**		**3.886,268**		**76.714.922**
2.1	**321 - CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU VĨNH PHÚC**		**3.886,268**		**76.714.922**
1	321026 - PETROLIMEX - CỬA HÀNG 26	0601002 - DO 0.05S-II	2.243,093	19.740	44.278.652
2	321028 - PETROLIMEX - CỬA HÀNG 28	0601002 - DO 0.05S-II	1.643,175	19.740	32.436.270

9.1.3 Báo cáo Tình hình thực hiện hợp đồng

Đường dẫn: Kế toán Vpcty \Bán hàng toàn quốc\Tình hình thực hiện hợp đồng

Người thực hiện: User tập đoàn



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Từ ngày: 01/01/2022 Đến ngày: 2/6/2022 23:59

Khách:

Loại công nợ:

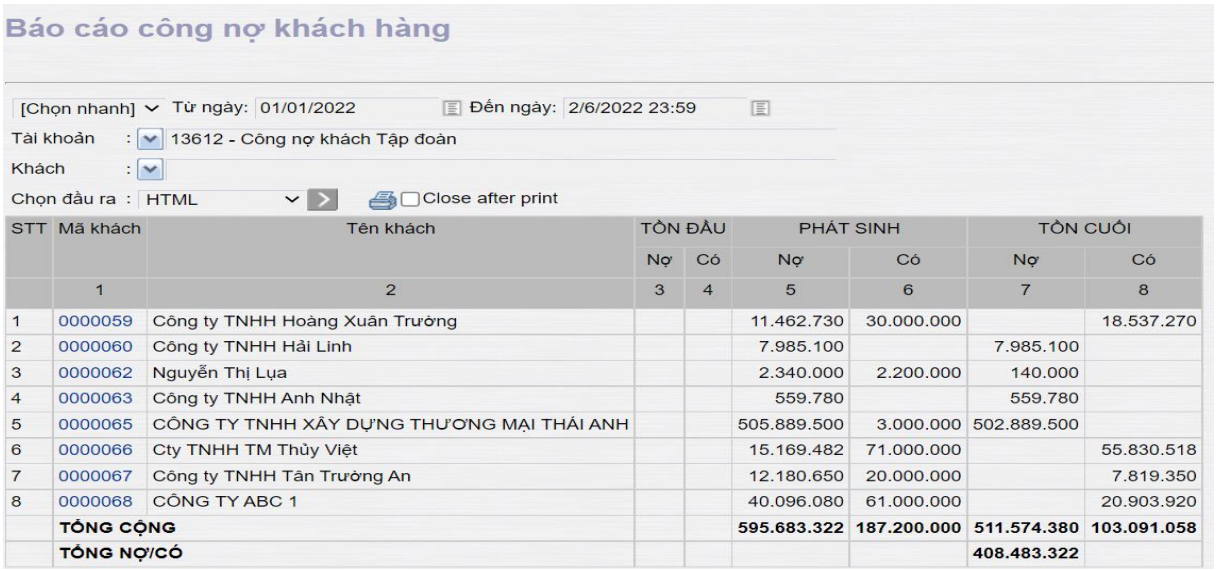
Chọn đầu ra HTML Close after print

	Khách hàng	Hợp đồng						Thực hiện		
		Số	Tên	Từ ngày	Đến ngày	Hạn mức tiền	Hạn mức lượng	Hàng hóa	Số lượng	Thành tiền
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	0000059 - Công ty TNHH Hoàng Xuân Trường	123456	Hợp đồng mua XD Công ty TNHH Hoàng Xuân Trường	1/5/2022	30/11/2022	100.000.000		Xăng E5 RON 92-II	39,12	975.730
2	0000059 - Công ty TNHH Hoàng Xuân Trường	123456	Hợp đồng mua XD Công ty TNHH Hoàng Xuân Trường	1/5/2022	30/11/2022	100.000.000		DO 0.05S-II	20,00	487.000
3	0000060 - Công ty TNHH Hải Linh	1231	Hợp đồng Llenntb	1/1/2022	31/12/2022	1.000	1.000	Xăng E5 RON 92-II	273,74	7.348.100
4	0000060 - Công ty TNHH Hải Linh	1231	Hợp đồng Llenntb	1/1/2022	31/12/2022	1.000	1.000	DO 0.05S-II	20,00	507.000
5	0000060 - Công ty TNHH Hải Linh	1231	Hợp đồng Llenntb	1/1/2022	31/12/2022	1.000	1.000	Xăng RON95-IV	2,27	50.000
6	0000060 - Công ty TNHH Hải Linh	1231	Hợp đồng Llenntb	1/1/2022	31/12/2022	1.000	1.000	DO 0.001S-V	4,71	80.000

9.1.4 Báo cáo Công nợ khách hàng

Đường dẫn: Kế toán Vpcty \Bán hàng toàn quốc\Báo cáo công nợ khách hàng

Người thực hiện: User tập đoàn



Báo cáo công nợ khách hàng

[Chọn nhanh] Từ ngày: 01/01/2022 Đến ngày: 2/6/2022 23:59

Tài khoản : 13612 - Công nợ khách Tập đoàn

Khách :

Chọn đầu ra : HTML Close after print

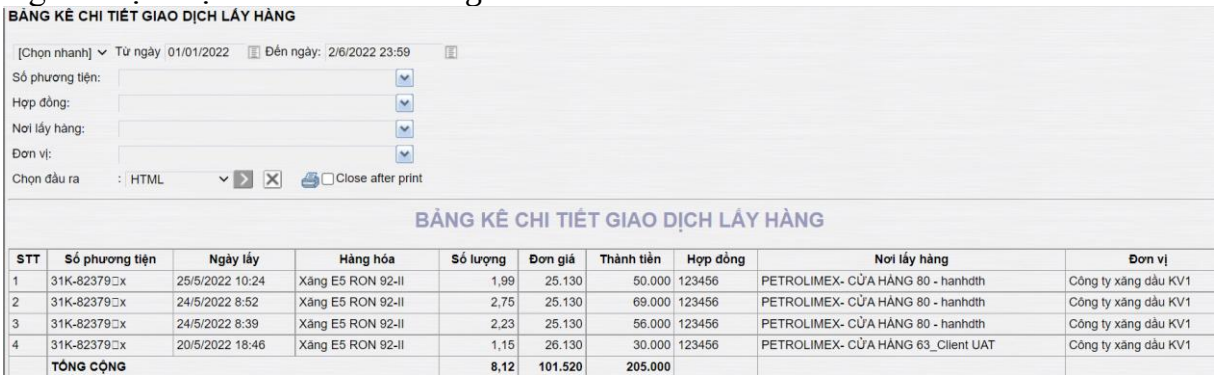
STT	Mã khách	Tên khách	TỒN ĐẦU		PHÁT SINH		TỒN CUỐI	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
	1	2	3	4	5	6	7	8
1	0000059	Công ty TNHH Hoàng Xuân Trường			11.462.730	30.000.000		18.537.270
2	0000060	Công ty TNHH Hải Linh			7.985.100		7.985.100	
3	0000062	Nguyễn Thị Lụa			2.340.000	2.200.000	140.000	
4	0000063	Công ty TNHH Anh Nhật			559.780		559.780	
5	0000065	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI THÁI ANH			505.889.500	3.000.000	502.889.500	
6	0000066	Cty TNHH TM Thủy Việt			15.169.482	71.000.000		55.830.518
7	0000067	Công ty TNHH Tân Trường An			12.180.650	20.000.000		7.819.350
8	0000068	CÔNG TY ABC 1			40.096.080	61.000.000		20.903.920
	TỔNG CỘNG				**595.683.322**	**187.200.000**	**511.574.380**	**103.091.058**
	TỔNG NỢ/CÓ						**408.483.322**	

9.2 Báo cáo tại Portal

9.2.1 Bảng kê giao dịch lấy hàng

Đường dẫn: Bảng kê giao dịch lấy hàng

Người thực hiện: User khách hàng



BẢNG KÊ CHI TIẾT GIAO DỊCH LẤY HÀNG

[Chọn nhanh] Từ ngày 01/01/2022 Đến ngày: 2/6/2022 23:59

Số phương tiện:

Hợp đồng:

Nơi lấy hàng:

Đơn vị:

Chọn đầu ra : HTML Close after print

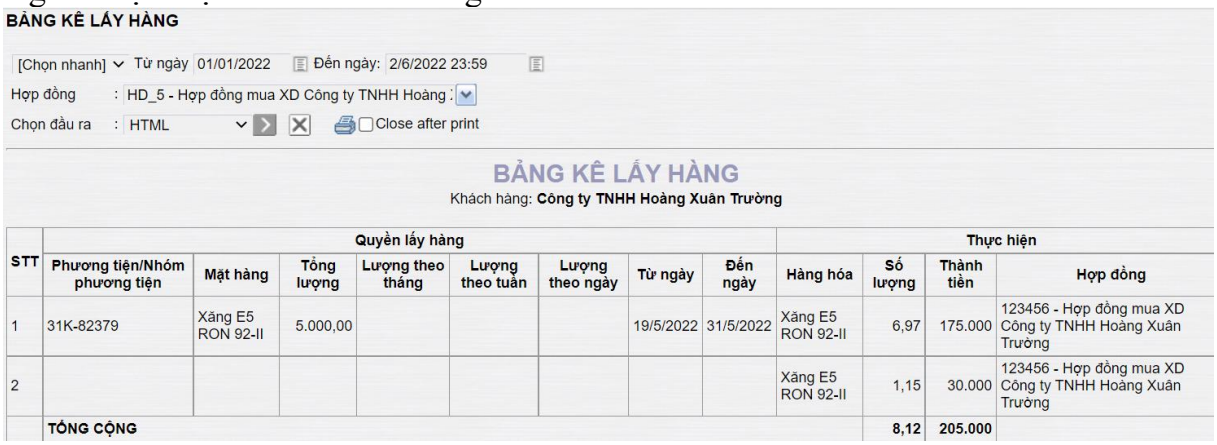
BẢNG KÊ CHI TIẾT GIAO DỊCH LẤY HÀNG

STT	Số phương tiện	Ngày lấy	Hàng hóa	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Hợp đồng	Nơi lấy hàng	Đơn vị
1	31K-82379□x	25/5/2022 10:24	Xăng E5 RON 92-II	1,99	25.130	50.000	123456	PETROLIMEX- CỬA HÀNG 80 - hanhdth	Công ty xăng dầu KV1
2	31K-82379□x	24/5/2022 8:52	Xăng E5 RON 92-II	2,75	25.130	69.000	123456	PETROLIMEX- CỬA HÀNG 80 - hanhdth	Công ty xăng dầu KV1
3	31K-82379□x	24/5/2022 8:39	Xăng E5 RON 92-II	2,23	25.130	56.000	123456	PETROLIMEX- CỬA HÀNG 80 - hanhdth	Công ty xăng dầu KV1
4	31K-82379□x	20/5/2022 18:46	Xăng E5 RON 92-II	1,15	26.130	30.000	123456	PETROLIMEX- CỬA HÀNG 63_Client UAT	Công ty xăng dầu KV1
	TỔNG CỘNG			**8,12**	**101.520**	**205.000**			

9.2.2 Bảng kê lấy hàng theo quyền

Đường dẫn: Bảng kê lấy hàng theo quyền

Người thực hiện: User khách hàng



BẢNG KÊ LẤY HÀNG

[Chọn nhanh] Từ ngày 01/01/2022 Đến ngày: 2/6/2022 23:59

Hợp đồng : HD_5 - Hợp đồng mua XD Công ty TNHH Hoàng :

Chọn đầu ra : HTML Close after print

BẢNG KÊ LẤY HÀNG

Khách hàng: **Công ty TNHH Hoàng Xuân Trường**

STT	Quyền lấy hàng								Thực hiện			
	Phương tiện/Nhóm phương tiện	Mặt hàng	Tổng lượng	Lượng theo tháng	Lượng theo tuần	Lượng theo ngày	Từ ngày	Đến ngày	Hàng hóa	Số lượng	Thành tiền	Hợp đồng
1	31K-82379	Xăng E5 RON 92-II	5.000,00				19/5/2022	31/5/2022	Xăng E5 RON 92-II	6,97	175.000	123456 - Hợp đồng mua XD Công ty TNHH Hoàng Xuân Trường
2									Xăng E5 RON 92-II	1,15	30.000	123456 - Hợp đồng mua XD Công ty TNHH Hoàng Xuân Trường
	TỔNG CỘNG									**8,12**	**205.000**	

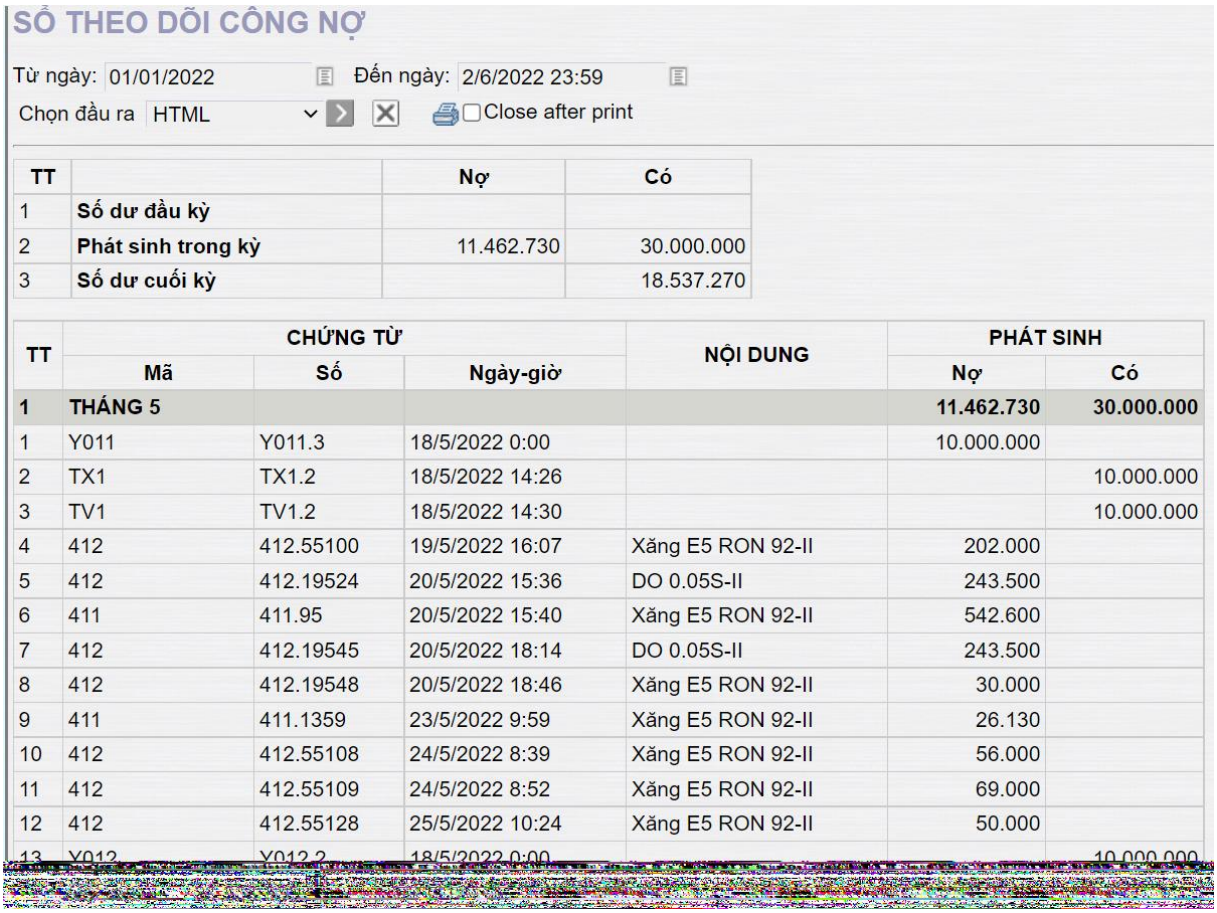
9.2.3 Tình hình thực hiện hợp đồng

Đường dẫn: Tình hình thực hiện hợp đồng

Người thực hiện: User khách hàng

9.2.4 Sổ theo dõi nợ

Đường dẫn: Sổ theo dõi nợ
Người thực hiện: User khách hàng



SỔ THEO DÕI CÔNG NỢ

Từ ngày: 01/01/2022 Đến ngày: 2/6/2022 23:59

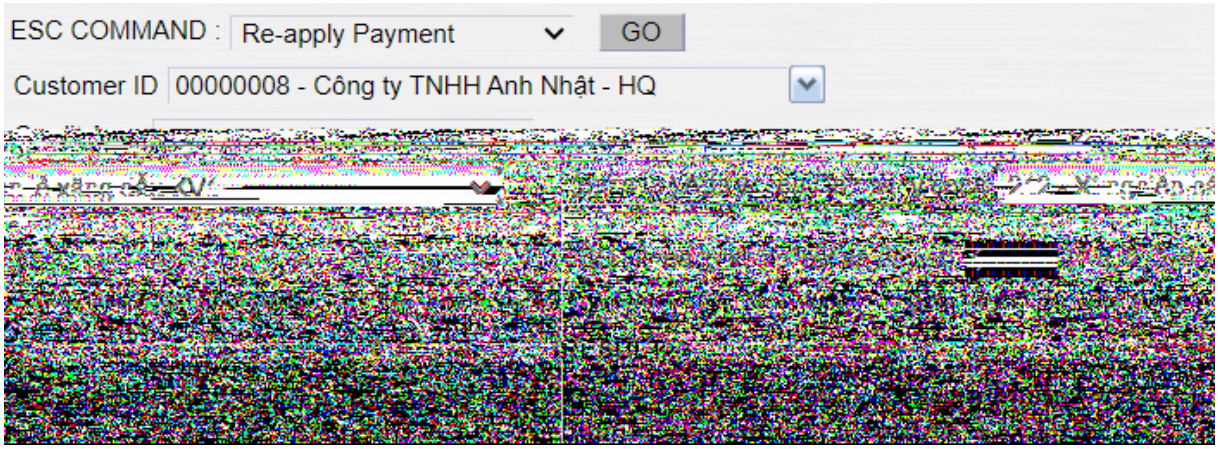
Chọn đầu ra HTML Close after print

TT		Nợ	Có
1	**Số dư đầu kỳ**		
2	**Phát sinh trong kỳ**	11.462.730	30.000.000
3	**Số dư cuối kỳ**		18.537.270

TT	CHỨNG TỪ			NỘI DUNG	PHÁT SINH	
	Mã	Số	Ngày-giờ		Nợ	Có
1	**THÁNG 5**				**11.462.730**	**30.000.000**
1	Y011	Y011.3	18/5/2022 0:00		10.000.000	
2	TX1	TX1.2	18/5/2022 14:26			10.000.000
3	TV1	TV1.2	18/5/2022 14:30			10.000.000
4	412	412.55100	19/5/2022 16:07	Xăng E5 RON 92-II	202.000	
5	412	412.19524	20/5/2022 15:36	DO 0.05S-II	243.500	
6	411	411.95	20/5/2022 15:40	Xăng E5 RON 92-II	542.600	
7	412	412.19545	20/5/2022 18:14	DO 0.05S-II	243.500	
8	412	412.19548	20/5/2022 18:46	Xăng E5 RON 92-II	30.000	
9	411	411.1359	23/5/2022 9:59	Xăng E5 RON 92-II	26.130	
10	412	412.55108	24/5/2022 8:39	Xăng E5 RON 92-II	56.000	
11	412	412.55109	24/5/2022 8:52	Xăng E5 RON 92-II	69.000	
12	412	412.55128	25/5/2022 10:24	Xăng E5 RON 92-II	50.000	
13	Y012	Y012.2	18/5/2022 0:00			10.000.000

10 Clear công nợ(ESC làm tự động)

10.1 Hướng dẫn thực hiện



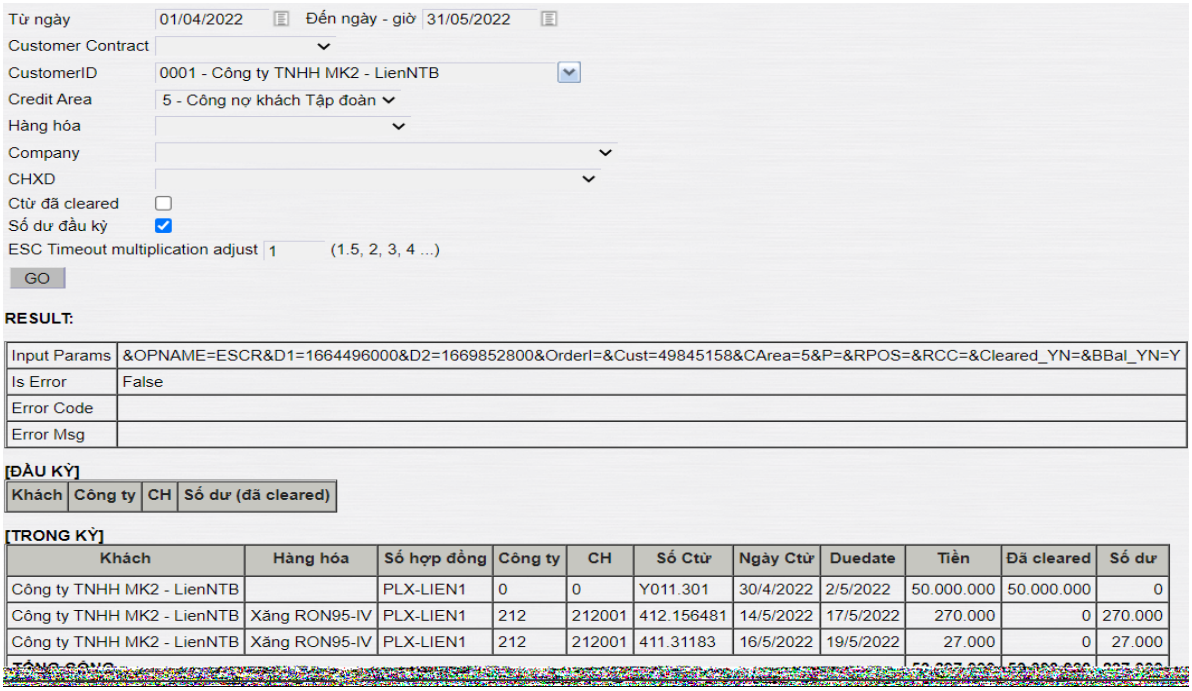
ESC COMMAND : Re-apply Payment GO

Customer ID 00000008 - Công ty TNHH Anh Nhật - HQ

- **TestESC.aspx – Chức năng thực hiện Clear**

- ESC COMMAND: Chọn Re-apply Payment
- Customer ID: Khách hàng
- Creadit Area: 5 – Công nợ khách Tập đoàn
- Apply theo Company Code (tùy chọn)
- Nhấn GO để thực hiện clear

- **ESC.aspx – Dữ liệu từ hệ thống Clear**



Từ ngày 01/04/2022 Đến ngày - giờ 31/05/2022
Customer Contract
CustomerID 0001 - Công ty TNHH MK2 - LienNTB
Credit Area 5 - Công nợ khách Tập đoàn
Hàng hóa
Company
CHXD
Ctừ đã cleared
Số dư đầu kỳ
ESC Timeout multiplication adjust 1 (1.5, 2, 3, 4 ...)
GO

RESULT:

Input Params	&OPNAME=ESCR&D1=1664496000&D2=1669852800&OrderI=&Cust=49845158&CArea=5&P=&RPOS=&RCC=&Cleared_YN=&BBal_YN=Y
Is Error	False
Error Code	
Error Msg	

[ĐẦU KỲ]

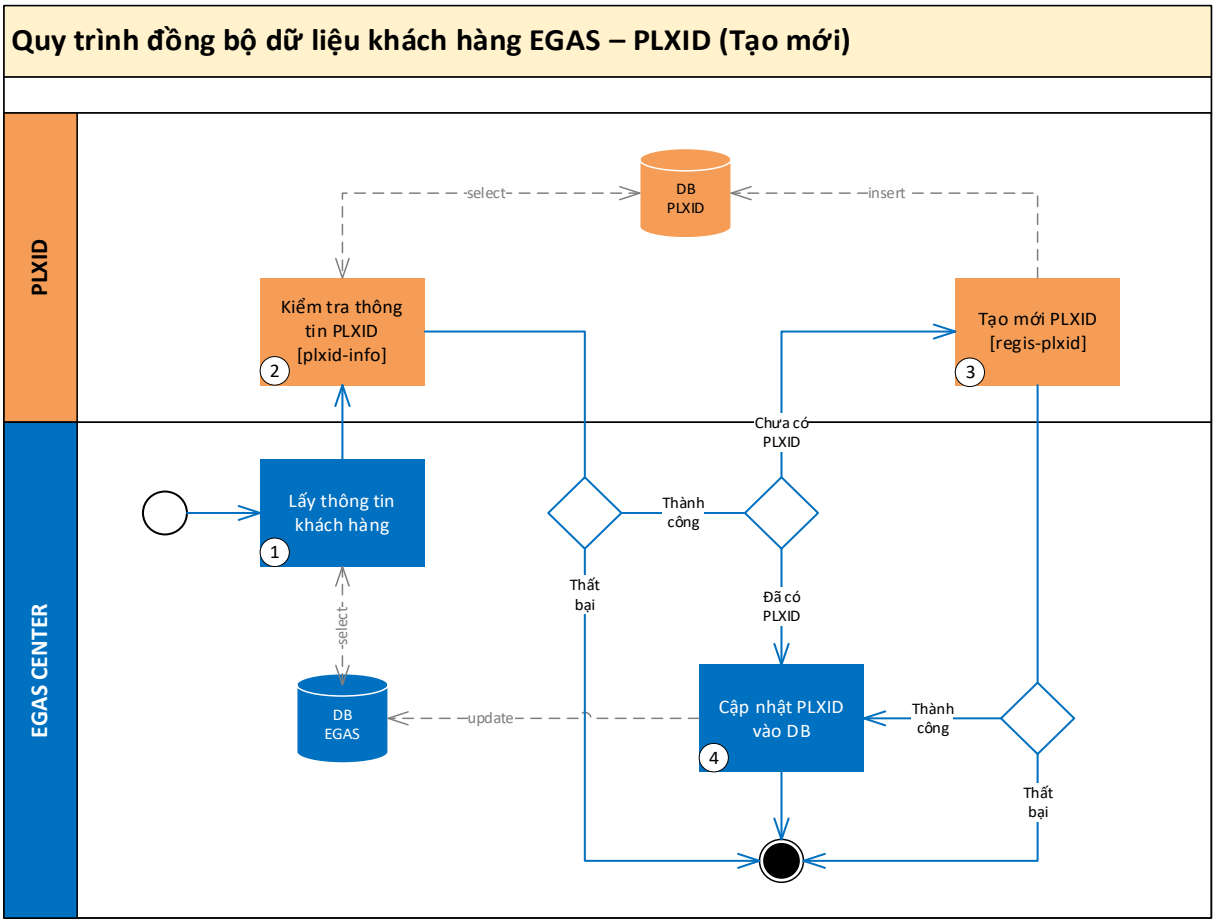
Khách	Công ty	CH	Số dư (đã cleared)

[TRONG KỲ]

Khách	Hàng hóa	Số hợp đồng	Công ty	CH	Số Ctừ	Ngày Ctừ	Duedate	Tiền	Đã cleared	Số dư
Công ty TNHH MK2 - LienNTB		PLX-LIEN1	0	0	Y011.301	30/4/2022	2/5/2022	50.000.000	50.000.000	0
Công ty TNHH MK2 - LienNTB	Xăng RON95-IV	PLX-LIEN1	212	212001	412.156481	14/5/2022	17/5/2022	270.000	0	270.000
Công ty TNHH MK2 - LienNTB	Xăng RON95-IV	PLX-LIEN1	212	212001	411.31183	16/5/2022	19/5/2022	27.000	0	27.000

PHỤ LỤC 1: ĐỒNG BỘ DỮ LIỆU KHÁCH HÀNG GIỮA HỆ THỐNG EGAS VÀ PLX ID

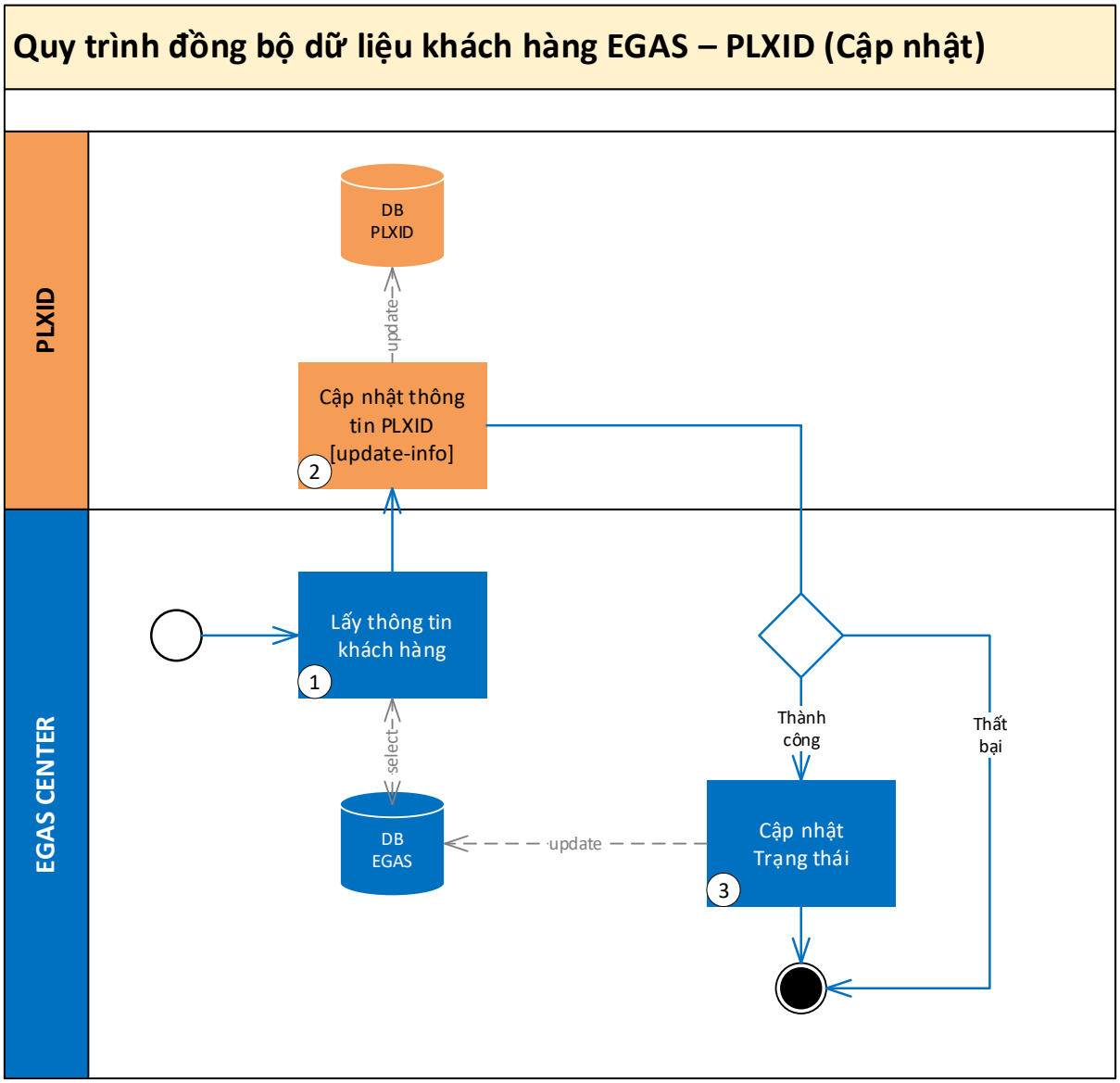
Tạo mới dữ liệu khách hàng:



Mô tả:

STT	Quy trình	Mô tả
1	Lấy thông tin khách hàng	Lấy thông tin các khách hàng chưa có PLXID
2	Kiểm tra thông tin PLXID	Egas gọi API plxid-info để lấy thông tin về plxid thông qua mã số thuế khách hàng. • Nếu đã có thì chuyển sang bước 4 • Nếu chưa có thì chuyển sang bước 3 *Ghi chú: Nếu lấy dữ liệu thất bại hoặc lỗi thì dừng lại*
3	Tạo plxid	Nếu chưa có plxid thì Egas tiến hành gọi API regis-plxid để tạo mới plxid. *Ghi chú: Nếu tạo plxid thất bại hoặc lỗi thì dừng lại*
4	Cập nhật plxid cho khách hàng	Cập nhật plxid vào database Egas theo mã khách hàng

Cập nhật (sửa) dữ liệu khách hàng:



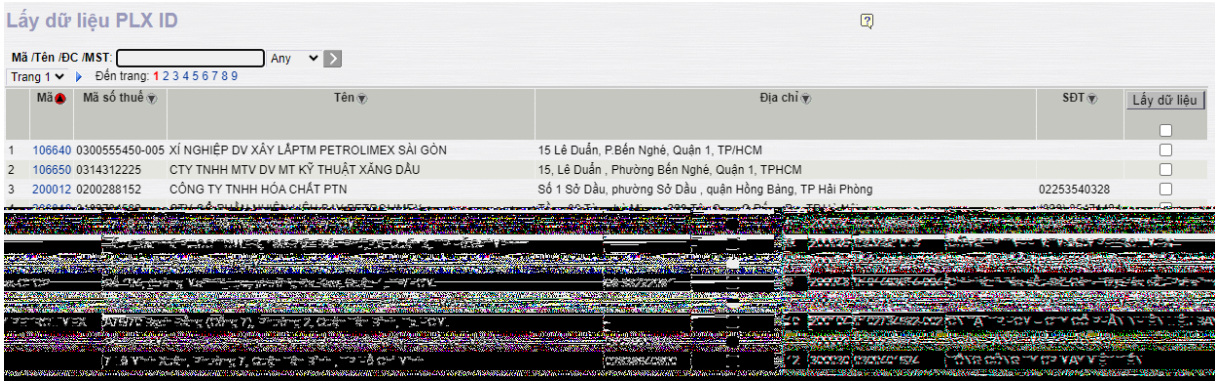
Mô tả:

STT	Quy trình	Mô tả
1	Lấy thông tin khách hàng	Lấy thông tin khách hàng mới cập nhật. *Ghi chú: Khi người dùng cập nhật thông tin khách hàng thông tin sẽ được update vào database và gửi xuống client. Đồng thời SysS sẽ đổi trạng thái về -9 để xác định các bản ghi có thay đổi.*
2	Gửi thông tin lên Plxid	Egas gọi API update-info để cập nhật thông tin lên PLXID *Ghi chú: Nếu cập nhật thông tin plxid thất bại hoặc lỗi thì dừng lại*
3	Cập nhật trạng thái	Nếu cập nhật thông tin lên PLXID thành công, Egas sẽ đổi cờ SysS về Null.

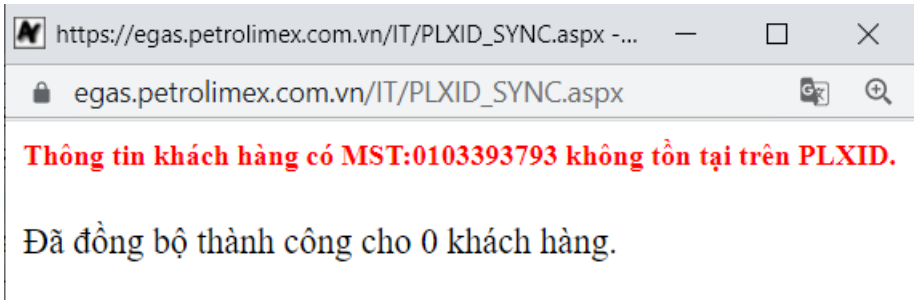
Hướng dẫn lấy dữ liệu PLX ID về EGAS:

Menu: CHXD/ Bán hàng KTM/ Lấy dữ liệu PLX ID

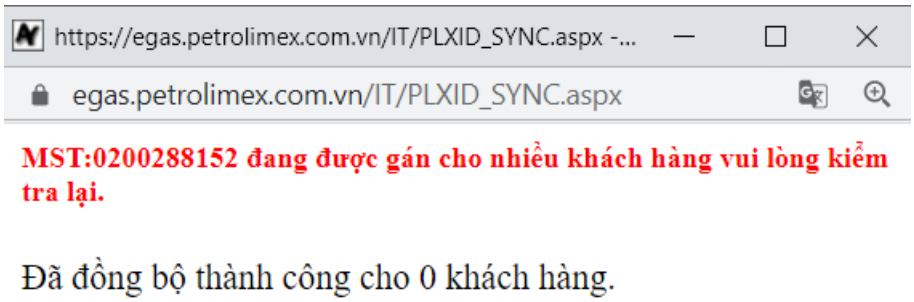
- B1: Chức năng hiển thị danh sách những khách hàng chưa có thông tin trường dữ liệu PLX ID và có MST. Để lấy thông tin PLX ID của khách hàng từ hệ thống PLX ID về, NSD thực hiện tích chọn vào ô vuông tương ứng với khách cần lấy thông tin. Nếu muốn chọn toàn bộ khách của trang hiện tại thì check vào ô trên cùng.



- B2: Nhấn nút “Lấy dữ liệu” để hệ thống tự động cập nhật thông tin.
  - Nếu hệ thống PLX ID không trả về thông tin thì hệ thống thông báo như sau:



  - Nếu Khách hàng bị trùng MST với khách hàng khác, hệ thống sẽ báo lỗi và không lấy thông tin PLX ID về được. (Đơn vị cần chuẩn hóa MST của khách hàng trước khi thực hiện chức năng này)



  - Nếu khách hàng được đồng bộ thành công thì khách sẽ không còn trong danh sách tại chức năng này nữa.

Lưu ý:

- *Với trường hợp Khách hàng không có MST phải thực hiện cập nhật thông tin dữ liệu PLX ID trực tiếp tại Hệ thống/Danh mục Công ty/ Khách hàng – công ty.*

PHỤ LỤC 2: QUẢN LÝ QUYỀN LẤY HÀNG VỚI NGƯỜI NHẬN

- Trên cơ sở hợp đồng/ hoặc hạn mức hợp đồng đã được tạo chủ hàng khi có nhu cầu lấy hàng sẽ thực hiện tạo hạn mức lấy hàng trên phần mềm để giao cho Người nhận hàng, chỉ khi có hạn mức trên hệ thống thì Người nhận hàng mới được lấy hàng tại các cửa hàng.
- Hạn mức được tạo tại Portal dành riêng cho khách hàng, hệ thống Portal được kết nối dữ liệu với hệ thống EGAS để lấy các thông tin hợp đồng, cũng như kết nối với hệ thống PLXID để lấy thông tin PLXID, giúp cho người dùng đăng nhập bằng PLXID để quản lý được các phương tiện liên quan (QR Code như ở móc chìa khóa).
- Hạn mức được tạo ra có thể cho 01 phương tiện, hoặc cho nhóm phương tiện.
- Hệ thống Portal được kết nối với hệ thống Egas để lấy thông tin hợp đồng, kết nối với hệ thống PLXID để lấy thông tin PLXID.
- Kiểm tra Hạn mức công nợ theo HMHĐ đang có hiệu lực của Đơn vị quản lý Phương tiện:
    - Cấu trúc tổ chức Khách hàng ký Hợp đồng không có khách trực thuộc: Kiểm tra Hạn mức công nợ của Hợp đồng gốc (công nợ theo Khách ký hợp đồng) như hiện tại
    - Cấu trúc tổ chức Khách hàng ký Hợp đồng có khách trực thuộc: Kiểm tra Hạn mức công nợ theo khách tại HMHĐ theo cấp tương ứng, thông tin kiểm tra truy xuất từ:
        - Hợp đồng gốc
        - HMHĐ cấp n tương ứng. Lưu ý với khách có con cần tự giao HMHĐ cho chính nó thì ưu tiên truy xuất chứng từ có Đơn vị giao = Đơn vị nhận. Trường hợp không tự giao HMHĐ cho chính nó sẽ không trả được hàng

Lưu ý:

- *Ngoài việc kiểm tra hạn mức lấy hàng theo hợp đồng/ Hạn mức hợp đồng nếu Khách hàng thiết lập quyền lấy hàng tại Portal thì sẽ ưu tiên kiểm tra trước.*
    - *Quyền lấy hàng theo phương tiện: Hạn mức được tạo cho 1 phương tiện*
    - *Quyền lấy hàng theo nhóm phương tiện: Hạn mức được tạo cho nhóm phương tiện*
- *Thứ tự ưu tiên đối với các quyền còn hiệu lực: (Ngày xuất hàng nằm trong khoảng thời gian của quyền lấy hàng)*
    - *Ưu tiên quyền lấy hàng theo Phương tiện trước quyền lấy hàng theo Nhóm phương tiện*

- *Tại quyền lấy hàng theo Phương tiện/Nhóm phương tiện:*
  - *Ưu tiên 1 cho quyền lấy hàng có mặt hàng trước quyền lấy hàng không khai báo mặt hàng*
  - *Ưu tiên 2 cho quyền lấy hàng có Từ ngày (Ngày bắt đầu hiệu lực) nhỏ hơn*

PHỤ LỤC 3: PHÂN QUYỀN CÁC CHỨC NĂNG BHTQ

I. Mức HQ

STT	Danh sách báo cáo/ chức năng/ Danh mục	ID	Tên quyền hiện tại
I	**Danh mục**		
1	Khách toàn ngành	CMasterAuto	DMTD - QL danh mục Tập đoàn
2	Khách toàn ngành	CustomerContactMaster	DMTD - QL danh mục Tập đoàn
3	Lịch thanh toán	CArmRule	DMTD - QL danh mục Tập đoàn
4	Lịch thanh toán	CArmRuleD	DMTD - QL danh mục Tập đoàn
5	Tài khoản tiền gửi ngân hàng	BAC	DMTD - QL danh mục Tập đoàn
II	**Chức năng HQ**		
1	Hợp đồng bán hàng công nợ - Tập đoàn	MDCC cùng các tab con	
2	Nhóm địa lý	CustSaleGrp	KTTD - Kế toán TĐ, TX1 - Admin TĐ
3	Nhóm địa lý	CustSaleGrp2CC	KTTD - Kế toán TĐ, TX1 - Admin TĐ
4	Tập đoàn thu tiền khách công nợ	TX1	KTTD - Kế toán TĐ, TX1 - Admin TĐ
III	**Chức năng Cty**		
1	Hợp đồng bán hàng công nợ - Tập đoàn	MDCC cùng các tab con	BHTQ02 - Chức năng BHTQ công ty
2	Nhóm địa lý	CustSaleGrp	BHTQ02 - Chức năng BHTQ công ty
3	Nhóm địa lý	CustSaleGrp2CC	BHTQ02 - Chức năng BHTQ công ty
4	Công ty thu tiền khách công nợ	TX3	BHTQ02 - Chức năng BHTQ công ty
IIV	**Chức năng CC**		

STT	Danh sách báo cáo/ chức năng/ Danh mục	ID	Tên quyền hiện tại
1	Hợp đồng bán hàng công nợ - Cty	CustContract cùng các tab con	BHTQ03 - Chức năng BHTQ CC
2	Nhóm CH	POSSaleGrp và tab con	BHTQ03 - Chức năng BHTQ CC
3	Gán nhóm CH	MDSC2POSGrp	BHTQ03 - Chức năng BHTQ CC
4	Văn phòng thu tiền khách công nợ	TV1	BHTQ03 - Chức năng BHTQ CC
5	Xuất hóa đơn	IVX	BHTQ03 - Chức năng BHTQ CC
V	**Báo cáo**		
8	Tình hình thực hiện Hợp đồng	Rpt_THHD	QLBCT - QL báo cáo Tập đoàn
9	Báo cáo công nợ khách hàng	Rpt_AR_BHTQ	QLBCT - QL báo cáo Tập đoàn
10	Sổ theo dõi công nợ khách hàng	Rpt_AR_Details3	QLBCT - QL báo cáo Tập đoàn
11	Công nợ phải thu theo ngày due-date -Esc	AR_DueDate_i1	QLBCT - QL báo cáo Tập đoàn
12	Báo cáo xuất kho - xuất hóa đơn khách Hợp đồng	Rpt_AR_HangTien_BHTQ	QLBCT - QL báo cáo Tập đoàn
14	Báo cáo xuất bán hàng hóa theo khách	Rpt_XuatBan_BHTQ	QLBCT - QL báo cáo Tập đoàn
15	Bảng kê chi tiết xuất bán khách dịch vụ	Rpt_PXK_Detail	QLBCT - QL báo cáo Tập đoàn
16	Biên bản đối chiếu công nợ khách hàng	Rpt_BBDCCN_BHTQ	QLBCT - QL báo cáo Tập đoàn

II. Mức CC

STT	Danh sách báo cáo/ chức năng/ Danh mục	ID	Nhóm quyền
I	**Danh mục**		
1	Gán nhóm CH : Hợp đồng bán hàng công nợ - Tập đoàn	MDCCPOSGRP	201 - View danh mục công ty ADMCTY - Admin công ty
2	Gán nhóm CH : Hợp đồng bán hàng công nợ - Tập đoàn	MDSC2POSGrp	201 - View danh mục công ty ADMCTY - Admin công ty
3	Nhóm cửa hàng (ESC)	POSSaleGrp	201 - View danh mục công ty ADMCTY - Admin công ty

STT	Danh sách báo cáo/ chức năng/ Danh mục	ID	Nhóm quyền
4	Nhóm cửa hàng (ESC)	POSSaleGrp2POS	201 - View danh mục công ty ADMCTY - Admin công ty
II	**Báo cáo**		
7	BC trả hàng-thu tiền hộ khách hợp đồng	Rpt_AR_HangTien_BHTQ	R102 - Xem báo cáo tiền, cnợ tại CHXD R112 - Xem báo cáo tiền, cnợ tại Vpcty BCBTQ - Quản lý Bc BHTQ tại CC
8	Tình hình thu tiền hộ khách hợp đồng	Rpt_AR_HTien_BHTQ1	CC_Quyền báo cáo BHTQ
9	Báo cáo xuất bán hàng hóa theo khách	Rpt_XuatBan_BHTQ	R112 - Xem báo cáo tiền, cnợ tại Vpcty VP1 - Kế toán VpCty BCBTQ - Quản lý Bc BHTQ tại CC
10	Bảng kê chi tiết xuất bán khách dịch vụ	Rpt_PXK_Detail	R112 - Xem báo cáo tiền, cnợ tại Vpcty VP1 - Kế toán VpCty BCBTQ - Quản lý Bc BHTQ tại CC
III	**Chức năng**		
11	Hợp đồng bàn hàng công nợ - Tập Đoàn	MDCCC	ADMCTY - Admin công ty 201 - View danh mục công ty
12	ESCR	ESCR	ADMCTY - Admin công ty 201 - View danh mục công ty
13	TV1	TV1	VP1 - Kế toán VpCty; CH2 - Kế toán cửa hàng; CH1 - Trưởng ca